

1
BIBLIOTHÈQUE ANNAMITE DE VULGARISATION

院書通普南越

KIẾN-THỨC VÀ KHỔ-NÃO

(*La science et la douleur*)

L. V. C.

Soạn



Số thứ 3 và thứ 4

Giá: 0 \$ 50

Nam định Học-Giới Bảo-Trợ hội ấn hành



Imp. KIM-ĐỨC-GIANG

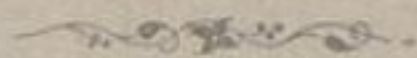
HANOI - 83, Rue des Paniers 83. - TONKIN

1924

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

KIẾN-THỨC VÀ KHỔ-NAO

(*La Science et la Douleur*)



Tặng những ông “Gàn”

Thảo nào khi mới tròn rau,
Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra:
Khóc vì nỗi sót-sa sự thế,
Ai bày trò bãi bể, nương dâu!
Trắng răng đến thuở bạc đầu,
Tử, sinh, kinh, cụ, làm nau mấy lần!...

ÔN-NHƯ-HẦU

Đời người ta, cứ hiện tình mà xét, rút cục lại, chỉ có hai điều: sung-xương và khổ não. Chẳng khác chi một tấm vải rệt ra, chỉ có chỉ ngang và chỉ dọc mà thôi. Thử xem đứa bé, mới bào-thai ra, đã khóc rồi; nếu nó ra đời mà vui, mà thích, thì sao lại kêu khóc? Cái kêu, cái khóc, hẳn không phải là biểu-hiệu lòng khải-sảng. Nhón lên, có tri-giác, biết lao-dộng, biết “sống”, thì nào là lo ăn, lo mặc, lo học, lo hành, lo gây dựng cửa nhà, lo làm bổn phận với nước, phiên khi ốm yếu, đau lòng lúc tóc tang, thỉnh thoảng được một chút hời hạ, vui lòng, khoái tri. Thành ra, hết khóc lại cười, hết cười lại khóc, cứ liên-tiếp như vậy, cho đến khi hai tay chấp xuôi mà ngủ một giấc vô cùng. Đến lúc đó, chẳng biết có còn sầu-não, còn biết đau-dớn nữa không? Vấn-đề đó, xin để các bậc hiền-triết, siêu-hình, phán-đoán. Nhỡn-giới ta chưa ra ngoài thân ta, chưa khỏi vòng trái đất, đâu dám tự-phụ giải-quyết? Vả chẳng, đây cũng không phải một bài triết-lý gì; cái não-chất của thụ-sinh này còn mới non-nớt, mà đâu có rèn đúc, tập-luyện, cũng không sao hoán-cải được hơn nữa. Vậy há dám bàn về triết-học? Chẳng qua, coi cái hiện-thế, góp nhặt, gập đầu nói dấy, tam sao thất bản, thêm mấy ý thô-thiêm, mang ra trình bày, mong độc-giả chừ tồn yêu đến, huấn-giáo cho là may lắm.

Vậy thì cứ coi cảnh-thế mà xem. Đời ta như là một cái «súc sịch» hoặc dài hoặc ngắn tùy người, chỉ có cái xương,

cái đau-dớn, chấp nối thành nên. Mà hình như « đau dớn » nhiều hơn « xương ». Bởi vậy, kinh nhà Phật cho cõi trần là một cái vòng lao-khổ, hãm-hại kẻ tham-sinh. Đức Thích-Ca Mâu Ni có dạy rằng : « Đời giống sinh-động tựa như cái chớp trên giới, nó luân-chuyển rất nhanh, chẳng khác gì thác trên núi chảy xuống, cũng vì có sống, có tình-dục, có ngu xuẩn, mà vạn vật, trong cõi người ở, phải chịu ba điều khổ-ải... » Ba điều đó là cái già, bệnh tật và cái chết. Ý-tưởng cho đời là bể khổ là ở ý chung của những kẻ đa-sầu, của những bậc danh-sĩ đa-cảm, những bậc hiền-triết, nhất là những bậc yếm-thế. Như Bossuet tiên-sinh có nói rằng : « sống tất phải chịu đau-dớn, người như thế đấy, (Tu vis donc tu souffres, voilà l'homme) A. France tiên-sinh trong cuốn « dư-luận của Jérôme cornard », về mục « học sử » tựu trung chỉ có ý này, « người ta sinh ra, sống, chịu khổ, rồi chết.... »

Nhưng khổ là gì ? mà sung sướng là gì ? Người ta sinh ra ai cũng có chuẩn động (activité) không chuẩn động, không phải là vật có cơ-quan, có sinh, có tử. Chuẩn động để đạt một cái mục đích gì, ví dụ như mình sinh ra có sống (mục-dịch), cho được sống thì phải làm hay kiếm-gạo ăn (chuẩn-động), làm hay kiếm áo mặc (chuẩn động), làm hay tìm nhà ở (chuẩn động). Nhưng cho tới mục-dịch, cho được chuẩn-động phải có dục-tình (passion) hay là hướng-nguỡng (tendance) như mục-dịch mình là sống, mà mình không muốn sống (dục-tình) hướng nguỡng, thì còn làm ăn gì ? Học cốt cho thông-thái (mục-dịch); không mong thông-thái (hướng-nguỡng), thì đâu có gia công nghiên-bút ? Thế thì chuẩn-động là cái căn cốt con người ta. Thế-gian thành được, mà tiến-hóa được, là vì chuẩn-động. Nếu chuẩn động mình bị kềm chế, hay là quá-chón, thì mình khổ. Chuẩn-động mình từ-dồ, thì mình vui sướng. Ta lại lấy câu thí-dụ vừa rồi. Mục-dịch mình là sống : mình muốn cho sống lâu, mình phải ăn uống. Nếu mình không được ăn, có phải mình khổ không ? hay là mình được ăn, nhưng phải lao-động nhiều, mới được một bữa, mình chẳng lấy làm khổ là gì ? Nếu nay muốn ăn gì được nấy, muốn ăn bao nhiêu được từng ấy, hẳn là mình khoái trí. Thế thì vui là tại chuẩn-động mình được công-

nhiên, từ-đồ mà tiến dụng; khổ, là bởi tại chuẩn-động mình phải áp chế hay là quá độ. Đau-khổ bị phụ cũng vậy. Đã sống thì, trung-ý, gìn-giữ cho thân-thể mình yên-lành, giữ cho những nhọc-piến mình toàn-vẹn, khỏe-mạnh (chuẩn-động); nay chích, mỗ mình, nghĩa là hại thân mình, làm cho mình diên-nguy, có thể mất “sống” được; tuần-kinh mình báo cho mình biết, cho nên mình mới thấy đau-dớn, khó chịu.

Nhưng ta đã nói ở trên rằng: « cho được chuẩn-động thì phải có mục đích và có hướng-nguỡng. Song mục đích mỗi người một khác, hướng-nguỡng không ai giống ai, cho nên vui, buồn, sướng, khổ, nhiều hạng, nhiều thứ-độ. Có cái, người ta cho là mãn-nguyên, hả lòng, mà ta thì cho là phiền phức, bức tâm. Xem như người họ-lưu kia, lam-lũ, mỗi tháng kiếm được dăm mười nguyên, đã cho là một món tiền to thỏa trí yên-vọng. Nhưng ta thử nghĩ, vào địa-vị họ, ta phải cầm bắt, chịu kham-khổ đến thế nào cho được no ấm! Ấy tại là mục đích họ khác mục đích ta, không cao xa, không khó bằng mục đích ta. Xem như thế thì mục đích mình tùy cốt-cách, bảm-tính mình, mà tự-trung, vui sướng là khi mình đạt được mục đích mình; khổ sở là khi không đạt được: Bossuet tiên-sinh nói, « vui sướng là cái thể (état) hợp với bản-thể mình, khổ là cái thể trái với bản-thể mình (nature) » cũng là nghĩa ấy.

Đã tùy chuẩn-động, tư-cách mình thì vui, sướng, khổ, nào, có nhiều thứ bậc cao thấp, theo tuổi mình, theo giáo-dục vì chuẩn-động bản-thể, có thể mỗi tuổi một khác mà cải hóa được. Xem như ta ngày bé bản thể còn non nớt, chuẩn-động còn sơ-sai, được đồng quà tấm bánh đã hi-hởn, khoái sướng rồi; nhớn lên có tri giác, biết nghĩ xâu-xa, đâu có « tẹt nhẹt » như vậy?

Vả chẳng tri giác, biết nghĩ, là tại tri khôn. Như thế có phải tri khôn càng mở mang bao nhiêu, là càng biết sướng khổ hơn lên không? Tri khôn mở mang là có kiến thức. Vậy càng có kiến thức bao nhiêu, lại càng biết đau dớn hơn bấy nhiêu không? Hay là nói cho sát ý thì ta hãy tự hỏi rằng: « biết vui khổ là có cảm giác. Thế thì nếu kiến thức mình rộng ra, cảm-giác mình có tăng lên không?

Vấn-đề đó trong Kinh-Thánh Gia-tô đã giải-quyết rồi. Kinh-Thánh dạy rằng : « Tăng-kiến thức mình lên là tăng những cái sầu-khổ mình lên đó (*accroître sa science c'est accroître ses douleurs*) nhưng có thực thế không ? »

Trước khi giải quyết, ta hãy coi xung-quanh ta xem. Như những dân mọi trên thượng-du, ở những chỗ thâm sơn cùng cốc, trong những cái túp lụp-xụp, chật-chội, hết ngày ấy, sáng tháng khác, đốt rừng, phá bụi, lao-động một cách như sả thân, mà họ diễm nhiên cho là sung-lúc. Còn như ta đây, nhờ có giáo-hóa, tự phụ văn-minh hơn họ, cửa cao, nhà rộng, ăn no, mặc ấm, dù nghèo-nàn nhưng cũng đủ các cái dùng mà sinh-hoạt ; thế mà vẫn còn mong-ước, vẫn cho là khổ. Chẳng nói dân xa, cứ lấy một người lực-điền, cục-mịch, ngu-dần, trong hương-thôn. Họ cả ngày làm lụng, tối về, ăn xong, có gì lại làm, không thì đi ngủ. Mà nào có giường Hồng-công sập gụ gì ? Một tấm trổng một, một manh chiếu rách, có khi chỉ có « ổ rơm ». Họ một mạch đến sáng, giậy lại đi làm đồng. Ngày nào cũng vậy, như một người máy. Thế mà họ vẫn hát xường, vẫn tươi cười. Lại xem như người phú-hộ kia, muốn sao được vậy, tưởng như dăm đuổi trong bể-tiền, mà vẫn than thân trách phận, mặt ủ mày chau. Một anh tối-ư rất nát, tháng tám cũng ừ, tháng tư cũng gặt, thế nào cũng là, thì vẫn ung-dung hơn bác tỉnh-anh, học-thức, lấy mắt sành-sỏi mà phán-đoán việc đời. Trong cuốn « Bảy vợ con râu Xanh và truyện vặt (*Les 7 femmes de la Barbe Bleue et autres contes*) của Anatole France tiên-sinh có một truyện nghĩa lý rất cao xa, cũng ngụ trung ý ấy. Có một ông vua, quyền-thế, hống-hách, phải bệnh u-sầu. Thầy thuốc danh-sư toàn-cầu mời cũng đã lắm, mà chẳng khỏi. Sau gặp một ông lang, tâu rằng : « Bệ-Hạ cho tìm trong nước, được ai xung-xường, lấy cái áo lót mình người ta, khoác vào Long-thể thì Long-thể sẽ lành. » vua cho đi tìm tứ phía, các triều thần cùng lao-động, cố công. Một vị thượng-thư, một hòm lảng-vảng vào trốn, thâm-quê. Lúc bấy giờ đã về chiều, mặt trời gần lặn, gặp một bác thợ, vừa đi vừa hát. Ngài đoán là xung-xường lắm, lại gần môn truyện, xin

cái áo lót mình : anh ta không có !! Thì ra địa vị mình, tri-lự mình, càng cao bao nhiêu, càng không lấy gì làm thỏa. Cho nên trong kinh Thánh lại có câu rằng : « xung xướng, thay kẻ sơ sài ! (heureux les esprits simples ;) Ý muốn dạy ta, không sa-hoa, không thiết cái bì-ngoại, ăn ở theo như tôn-dồ đạo Gia Tô đời xưa, thì có ngày được lên thiên đường, hưởng phúc thánh nhân, vui vẻ vô cùng. Nhưng tựu-trung là một câu giản thể. Vì rằng ta sơ-sài thì cái hưởng ngưỡng của ta không cao xa, ta không mong ước gì mấy, ta chẳng cần chuẩn động lắm, tự cho là thỏa-mãn rồi ; thế không phải xung-xướng là gì ?, Không sơ-sài là chi đã mở mang, kiến-thức đã rộng, tất-thị hay mong ước những cái tài cao ; mong không được là khổ ;

Schopenhauer tiên-sinh cũng đồng ý ấy ; cũng cho câu trong Kinh-Thánh là phải. Tiên-sinh bàn rằng : « mỗi ngày, cái ý-tư của mình mở-mang tinh ra, thì cái khổ não lại càng rõ-rệt lắm. Cây không có cảm-giác hẳn không biết đau-dớn. Cái đau dớn đã bắt đầu biểu-hiện trong những giống nhỏ nhất, những giống vi trùng rồi. Sâu bọ biết cảm biết đau nhưng còn có hạn-ngữ. Phải đến giống có xương-bộ, có đủ thần-kinh, mới thấy cái lòng biết đau dớn ấy mạnh, theo tri-biết mà rộng ra. Thế thì tùy cái kiến-thức mình thông-thoát, tùy cái tri giác mình tinh-hoạt, mà cái khổ não mình tăng lên. Khổ não đến bậc người đã cực điểm rồi, mà đến con người cũng còn tùy từng cá-nhân : càng khôn, càng tinh bao nhiêu, lại càng biết khổ bấy nhiêu ; kẻ nào có tài lực (génie) là kẻ ấy sâu khổ hơn cả. Ta suy ý kiến ấy, nghĩa là lấy cái lý từ-độ tri-biết, chứ không phải chỉ vì tri-giác vô hình không thôi, mà ta thêm nghiệm câu trong kinh-thánh : « Ai làm cho kiến thức mình rộng ra là làm cho cái bi-não mình cũng tăng lên » alfred de voguy là một nhà thi-sĩ trứ-danh nước Pháp, ở thế-kỷ thứ mười chín, cũng nghĩ như vậy. Tiên-sinh có viết một bài thơ đề nhan là (Moïse) Cứ như kinh thánh Gia-Tô, Moïse là một cụ chum dân cổ Thái, đời tối cổ. Dân Do-Thái lúc bấy giờ phải cầm bắt bên Ai-Cập chịu nhiều nỗi cay-cực. Cụ Moïse, vì giết một tên Ai-cập, vùi rập một người Do-Thái nên chốn

đi trần chiến ty nạn, Đức Chúa Lời bèn hiện làm một cái bụi đang cháy, truyền bảo ngài, vào bệ kiến Ai-cập, xin cho dân Do-Thái ra ngoài nước. Vua, trước còn không cho, sau vì thiên-tai, hại Ai-cập lắm, nên phải chuẩn-tầu, cù Moïse bèn giãn con em đi, chỉ Hồng-hải bắt rút nước, để lấy đường sang đất chúa. Trong bốn mươi năm, lang thang trong bãi sa-mạc, rồi mới đến địa phận Chanaan. Nhưng vì cù Maïse, tuy theo nhời Chúa dậy, nhưng bán tín, bán nghi cho nên mất trên núi Nécho, không được hưởng cái vui được vào đất Chúa. Giờ dành cho dân Do-Thái. Nhưng cù từ lúc ra khỏi biên-giới Ai-Cập, đã làm được nhiều nhân nghĩa cho con em : sửa đổi hình pháp, đặt ra luật lệ, quy-cử tôn giáo ; rất có quyền-thế có oai nghi... Vigny tiên-sinh lấy tích này làm thơ, bày tỏ ý kiến mình : « Tài lực làm cho khổ não » Tiên-sinh tưởng-tượng cù Moïse trên núi Nécho kể lễ khước nhời, ta thân cùng Chúa : (Chúa cho tài năng, thể lực, tiên tri, mọi phép mầu ; nhưng Chúa ra ân đặc-biệt như vậy mà thành biệt ra một thân một mình trong lòng bi-đát, không còn mong gì, chỉ xin Chúa :

*Bụi trần một năm để yên thân già,
(Laissez-moi m'endormir du sommeil de la terre).*

Cụ coi cái tài, cái khôn khéo, cái lộc giờ cho như cái cam cầm bắt cụ làm cho cụ khổ tâm. Thà rằng sinh-hoạt như người thường, lao-động ít nhiều sau chết còn hơn.

Nhưng dù đứng về phương-diện tri-biết, dù đứng về phương-diện tri-giác mà xét cái khổ não cũng khó giải-quyết cho vẹn cái lý-thuyết trong Kinh-Thánh, cho đúng với tâm-lý từng người, đúng thời-kỳ biến-chuyển của nhân-tâm. Vì rằng cái mà ta gọi là « xung xướng » (le bonheur), thì tùy theo bản thể mình. Mình cho thể nào là xung xướng là xung xướng. Bởi vậy, khó lòng mà quyết được rằng cái xung xướng chịu ảnh hưởng tri-biết, kiến-thức cùng một cách được. Một món đồ ăn, có người ăn thì tiêu-hóa như thường, có người ăn thì óc-ách khó chịu. Cũng một vị thuốc, người uống vào thì khỏe-mạnh, kẻ uống vào lại tăng bệnh lên. Thế thì sức-khỏe của mình không phải tại đồ ăn, tại thuốc ; chính tại cơ-quan mình. Học-thức cũng vậy.

Học-thức ta gồm một tên gọi là khoa-học. (Science). Có người học khoa-học thì hấp-thụ được nhiều cái hay, cái thú; có người học khoa-học, sinh lòng thê-thái, sinh ác-cảm, cả đời u-uất, sầu tran. Cái đó có thể có được. Vì nhân-tâm bao nhiêu cái éo-le, phản-đối với nhau! Bởi vậy nên trong khi phán-đoán, giải-quyết một cái vấn-đề nào, như cái vấn-đề câu Kinh Thánh trên kia, thì nói trái cũng được mà nói phải cũng được; đảng nào cũng có lý cả. Khó thể, nên ta phải từ-đồ mà luận, cả-quyết bài-bác, hay là hăm-hở công nhận là phải cũng chẳng nên.

Trước hết cứ coi những cái khoa-học sắp đặt hay là làm cho biến cải trong hoàn-cảnh xung quanh ta, cùng dĩ xét tính cách ta vì khoa học mà tấn bộ lên được đến độ ngày nay, thì hẳn không dám bảo khoa học không làm cho ta sung-xương được. Lý-thuyết học, suy ra, thành thực-hành. Thực-hành khoa-học, từ thế kỷ thứ XIX đến nay, đã làm cho mặt đất ta ở, cho trong nhân-giới, biết bao nhiêu là cái lạ, mà thay cũ đổi mới biết bao nhiêu rồi; Chẳng xa-xôi, cứ trông trong cõi Bắc-kỳ ta thì rõ, nay ta có tàu thủy, tàu hỏa, tàu điện, xe máy, xe hơi, đi nhanh như cắt; có đèn điện, đèn dầu, đèn thắp mạng (lampe à man-chon); tin đi, mối lại, tỉnh nọ sang tỉnh kia, trong giây phút; Chẳng như các bậc tiền-bối ta xưa, chỉ biết cày, ngựa, đèn dầu ta, ngọn xanh như đom đóm; báo tin cần-cấp, chỉ biết đốt lửa làm hiệu. Đó là những cái vật. Ấy thế mà các ngài nếu, nay có phép nào giở về cõi trần được, chắc lấy làm lạ, cho ta vào bậc tiên cách rồi. Cái ơn giới thiệu của khoa-học, nói ra đến mấy vạn quyển sách cũng không cùng; tóm lại là làm cho mặt địa-cầu khác hẳn ngay đi; ta khuynh-hướng về cái gì, điều làm cho ta được cả. Không những thế mà thôi, khoa-học lại làm cho thấu-dụng được những sức-mạnh của tạo-vật, mà nghiêm-nhiên trở nên một ông « Chúa-Tể » vũ-trụ. Ta bao-quát được muôn vật, hoặc hữu-bình hoặc vô-bình như vậy, ta biết ta hơn nhiều, thành ra ta có một cái lòng khoái-sảng lạ thường. Vậy Hóa-công sinh ra ta đã yếu đuối trơ-trụi, không có đủ sinh-cơ, lại còn reo cho ta lắm cái đau-đớn, bi sầu, nào bệnh-tật, nào trùng độc, vân vân Về đảng

vật-chất, thực thâm-phận ta hăm-hiu nhất. Ấy thế mà nhờ có khoa-học ta lại chấn-hưng được cái phận ta, làm giảm những nguyên-căn cái đau khổ ta đi nhiều. Cứ xem thì biết: bệnh chó dại, bệnh lao, bệnh tả, bệnh đậu, bệnh hạch nay hầu đã biến mất cả rồi. Ta nay thực được sung-túc và có nhiều cách phòng-bị giữ-gìn cho thân ta lắm.

Có kẻ bảo rằng: « sung-túc là cái bì-ngoại, không đủ làm cho ta xướng được ». Vẫn hay thế. Các của ngoại vật, không thể một mình làm cho ta xướng được; mà không phải là cái nguyên-toàn sự xướng. Ai cứ đợi sung xướng trong đám tiền của, trong sự hào-hoa bề ngoài là nhầm to. Mình cốt phải tìm cái xướng trong tính-cách, tính-tình mình, nghĩa là tại thân-trung mình, phải vừa là một tay tìm kiếm cái xướng của mình trước tiên, lại là một nơi căn-bản cái xướng ấy. Song cũng nên biết rằng ta phải gián-tiếp và mật-thiết với hoàn-cảnh, cùng những cái bì-ngoại. Ta không thể vượt qua được, cho nên vẫn phải chịu ảnh-hưởng các cái ấy, chịu các cái ấy động vào giây đàn vô hình muôn thanh của ta tức là cảm giác của ta vậy. Những cái ngoại-vật mà hợp ta thì ta vui tươi hởi dạ; nếu chẳng hợp thì ta bức tức đau lòng. Thực ra thì cái ứng-dụng về đường ngoại-vật không phải bao giờ cũng có cái xung-xướng kèm theo những xung-xướng cũng nhờ có nó, vì nó tựa như dự-bị một hoàn-cảnh hợp nghi để sự xung-xướng sinh-biến nảy - nở ra. Người sống ở đời cho làm thú, nhưng nếu không cơm ăn, áo ấm, chắc đã thú gì? Đi chân cho làm mãn-nguyện, được đi vòng, đi xe hăm khoái-tri hơn. Diogène tiền-sinh, xưa kia là một người rất khinh tài, thế mà còn phải ở trong một cái thùng rượu, chứ có ở lộ-thiên đâu? Vừa rồi, có người khởi-xướng lên cách sinh-hoạt theo tạo-hóa. Nhưng coi bộ lại thì cũng bận quần, áo, giày ô; cũng phải ăn đồ-ăn nấu chín, tra da-vì; cũng thỉnh-thoảng phải nhờ chân người ngoài mang đỡ. Kể u-sầu, mai mĩa, bài-bác văn-minh, tựu trung chỉ ngoài miệng, chỉ lý-thuyết mà thôi; kỳ thực không phải là không ngó tới những cái thỏa-thích ngoại văn-minh mang lại cho. Có tiến bộ tất có hại. Máy day nào lại không có mặt trái? Những bác nông-

cuồng, được no ấm, sung-túc, ở nhà rộng trang-lệ, văn-minh trao cho, mà lại chê văn-minh, tán-dương cái vui thú của kẻ còn hủ, còn sơ-sai, giả sử đem đi, cho ở những nơi rừng rậm, thâm sơn, cùng cốc với dân mọi dân mường, chắc hẳn «cụt hứag», hồi tâm lại mà nói rằng : «ừ, dù thế nào có văn-minh cũng có hơn!...» Chặt thân cây ra ngồi được, bào đi, ngồi lại dễ chịu, mà đóng thành ghế hẳn êm nhiều, dễ chịu nhiều. Nằm đất sao chẳng được; nằm vào bó cỏ cũng song, nhưng có giường, có nệm, có chiếu, có chăn chắc đã ai chê!

Thế thì khoa-học là cái then-chốt văn-minh, có nhiều quả quý-hóa thực. Còn cái kết-quả quý hơn là cái kết-quả thuộc về tinh-thần. Văn hay rằng xung-xướng xướng cốt nhất là ở bản-thể ta phát hiện ra, nhưng cũng nhờ có trí dục mới được. Vì rằng, nghề thể, ta sinh ra đời tự nhiên muốn cho thân thể ta mở mang hơn, quý trọng, có giá trị mãi lên. Vậy ta mở mang trí khôn ta là để được đến cái đoan-nghe giá trị mà ta ước vọng đó. Khoa học sửa sang hoàn cảnh cho hợp thức với những điều ta yêu-cầu nhưng cũng có ảnh hưởng đến thân thể tâm-lý ta, nhân-cơ ta, làm cho nó dung-hợp với cốt cách sinh hoạt tâm-độ cuộc đời, như thế thì làm cho đời ta có vẻ; rửa sửa trí khí tâm linh ta cho tinh vy, tuần mỹ. Học để mà học, không mong lợi, chỉ tìm điều thiết thực (vrai) tìm cái mỹ kiến (beau) nghĩ là cái phải cái đẹp, thì tựa như mình bốc lên một thế-giới nào cao thượng, hường nhiều cái vui, cái khoái lạc, những người trần hiên, không thể biết được. Cứ lấy một tên dân ngu, chỉ biết ăn mặc, mà so bì với một người ham xét học, hẳn cho người ham xét học có nhiều cái khoái trí mà khoái trí tao-nhã hơn. Sao lại không thể được? Ta đã nói trên kia rằng vui thú là cái lòng hường ngưỡng mình được thỏa mãn. Biết thỏa mãn phải có trí biết. Thế thì cái trí biết là một vật rất quý cao thượng hơn biết vậy. Trí biết ta có tính tự nhiên khuynh-hướng về điều thiết thực mà khuynh-hướng một cách rất thiết, rất ham-hở. Vậy lúc đã tới mục đích, đã hợp, sao lại không sinh

ra lòng vinh vệ, khái sáng? Chẳng nói cao xa làm gì. Ví như ta muốn giải quyết một cái tình đồ về đặc học (Géométrie) nào khó; ta cố tìm, ta thấy, ta chẳng hỏi dạ, tênh tênh như bay trên một không chung nào đấy ru? Các ông bác-sĩ trừ danh xưa nay cũng vậy. Ông Apollodore có kể truyện rằng cụ Pythagore là một vị hiền-triết Hy-Lạp về cuối thế kỷ thứ sáu trước thiên chúa giảng sinh, hôm tìm thấy trong hình tam giác thước thợ, bề chéo nhân vuông bằng hai bề kia cũng nhân vuông mà hợp cộng lại (le carré de l'hypoténuse d'un triangle rectangle est égal à la somme des carrés des deux autres côtés) sường ý đem cung tiến các Nghệ-Thuật Nữ-Thần một trăm con bò con. Lại cụ Archimède là một nhà vật-lý-học và đặc-học có tài về cuối thế-kỷ thứ nhì trước thiên chúa giảng sinh; một hôm tắm mát ngoài sông, bỗng thuyết-minh được cái hiện-tượng nay chiêm-nghiệm thành câu vật-lý-luật ta học mà ta đặt tên cụ; cụ cũng khái-sáng, chạy lên phố thành Syracuse miệng thì kêu, « Thấy rồi! thấy rồi! » Nhiều vị như thế. Descartes tiên-sinh cho cái khảo-cứu, khoa-học như chiến-thuật của ông tướng cầm quân trên trận địa.

Cứ tưởng tượng một ông nguyên-súy đại-thắng một trận long giới lở đất, một trận huyết-chiến, thì thấu cái lòng vui thỏa của bậc bác-sĩ ngày đêm gia-công tìm tòi, cho kỳ thuyết-minh được một cái trận lý nào. Các vị ấy cũng toàn thắng. Nhưng chỉ khác một cái là bên thì phải sát hại sinh-linh, bên thì chẳng phải đổ một giọt máu; ông võ-tướng thì kéo binh tràn vào bên nghịch mà ông bác-sĩ thì tiến một bước vào trong vũ-trụ, diu-giắt cả một nhân quần. Vinh-hiễn thay! Cả nhân quần nhờ trí-lự các vị ấy mà dần-dần chiếm đoạt được tạo-hóa. Ta là một người trong nhân-quần há chẳng lấy làm khoái-lạc lắm ru? Có khác chi, trong một nước, nhờ tay một vài ông thống-súy, thắng được quân cường-đạo mà về vang lầy không? Descartes tiên-sinh, trong cuốn Phương-Pháp-Luận, có nói rằng: « Ta lấy mắt nhà triết-học coi công cuộc mọi người, thấy chẳng có vẻ gì là hư-không, vô dụng mà lại tấn-bộ thì ta sáng khái quá, tưởng như sự tấn-bộ đó ta tìm kiếm cái hiển nhiên mà làm nên được vậy ».

Xem như thế thì khoa-học có cái kết quả rất hay về đường xung xướng thế gian, nhưng cái gì có lợi tất có hại. Khoa-học làm cho người ta được toại-trí, nhưng cũng làm cho người ta nhiều cái phiền não. Cái lý thuyết của Schopenhauer và Viguy tiên-sinh kể trên kia, cùng là nhời kinh Thánh cũng có đều thực. Trước hết khoa-học thực hành lắm cái rất hại. Thử xem thế giới ngày nay, đúc ra súng đạn, chế ra tàu bay, tàu ngầm, ngư-lôi, đại-bác, một ngày một tinh xảo, tưng tưng chỉ mang ra sát hại lẫn nhau. Như cuộc chiến tranh vừa rồi: rõ là một cuộc đấu tài. Đánh nhau trên giới, đánh nhau dưới đất, đánh nhau dưới bể, mỗi bận giao chiến, một tiếng súng nổ ra, sát bao nhiêu nhân mạng! Lại còn thuốc ngạt, nước cháy, làm cho người sống sót cũng mang tật suốt đời. Trước kia đấu nhau bằng cung, tên, gươm, dáo, đầu có hại đến vậy? Nếu chỉ biết tranh cạnh nhau như đời tối cổ, như sinh vật khác, đấu đến nổi! cho nên nói rằng «văn minh lắm, giã man nhiều» tưởng không phải là quá, nhưng cái văn-minh đây là cái văn minh khoa-học, cái văn-minh về đẳng vật-chất. Nước nào mà văn-minh vật chất quá thì sinh ra lắm cái hại kể trên kia. Lại còn cái hại to hơn nữa là bại-hoại phong-tục. Nhiều nước văn-minh, ngày nay coi ngoài ra vẻ lắm; kỳ trung phong-hóa suy đồi. Con gái thì kiểm-hạnh kém, con gái từ đực chẳng có mấy lý, cả toàn dân sa-hoa phóng túng mà trộm cướp giết người vừa lắm, lại vừa sử sự một cách tuyệt-kiéo, tối tân. Chẳng nói đâu xa, cứ xem trong nước Nam ta cũng đủ rõ. Biết bao phen trên báo-chương lời đến những các cậu « công tử bột » mà tán dư ông các cậu những câu ý nhị lý thú; biết bao phen đã kể truyện các cô thiếu-nữ dong, công, ngôn, hạnh, quá tán mà tặng những nhời trúc tụng hùng hồn; biết bao phen đã đăng những tấn bi-kịch hài-kịch trong gia-đình cùng ngoài xã-hội mà khen một cách ngọt ngào thắm thía làm sao; biết bao phen... nhưng thôi càng kể ra lắm càng rầu lòng: độc giả chú tôn cũng chẳng lạ, chỉ cốt nhìn một chút là song! Ấy bởi vì tiếp-súc âu-hóa mà chưa hiểu thấu âu-hóa, tưởng văn minh hình-thức đã

là văn-minh ; chẳng khác chi một đứa bé được bộ quần áo mới, được ngồi ăn cùng mâm với người nhớn, đã cho mình là có mẽ rồi, mà đã nhớn người rồi ; Thành ra thấy người đùa cũng đùa : tự-do, bình-dẳng, hợp-quần, bắt trước người để đầu lười, kỳ-trung chẳng hiểu cái chi cả ; sai, làm đường cho nên mới đem mình vào bụi rậm. Hại ở đấy mà ra ! một đứa trẻ nít còn thơ ấu mà đã tự-phụ lao động như người nhớn làm những việc nhớn người tất phi ngã thì hư hỏng việc. Thực mình đây không khác gì con Gấu trong Diều ngốn cả. Vả chẳng lại thuyết lý « thời nào kim cương ấy » cho mình vào một hoàn-cảnh, một thời-kỳ chưa tới, đua ganh từng tỹ, vút hết cả những thói xưa, làm mất khó tính cho nên mới sa-hoa, ăn của rất ngon, mặt của rất tốt, làm cho đời mỗi ngày khó kiếm, mà vì thế mới thành ra cái thế kỷ kim-tiền cùng gian-phi những nhiều. Đó mới là một vài cái nguyên-căn-chính, kể ra còn nhiều nữa. Nhưng chẳng cần phải nói đến thêm nhảm. Khoa-học lại còn làm hại một cách nữa, một sợi tơ ta làm cho hết mấu, chỉ óng nuột, thì có vẻ thanh thực, nhưng dễ đứt. Người cũng vậy. Càng sáng suốt, càng thông minh, trí khôn càng mở mang ra bao nhiêu càng dễ vui mà càng dễ đau đớn bấy nhiêu. Như một người bị sỉ-nhục một cách mát mẻ, nếu sáng ý biết nghĩ thầm thực những câu nói thì mới cho là nhục-nhã, mới cay ; nếu dòn trí thì chỉ nhơn nhơn như một cái máy mà thôi. Thế thì khoa-học nếu làm cho trí biết mở rộng ra thì cũng làm tăng cái lòng cảm ta lên.

Ta dễ cảm cũng tại bản-thể ta thanh-thú vì khoa học. Thần-kinh-hệ ta sinh ra dễ súc động ; nếu cảm được nhiều cái vui thanh-lịch thì cũng cảm được nhiều cái đau đớn con con. Tục-ngữ đã nói « Kẻ có đứt tay bằng ăn mày sỏ ruột » cũng có ý rằng mình được nuôi-nấng một cách êm ái, chỉ sứt da cũng đau khổ bằng kẻ trần hiêu bị mỗ trích đến tâm can. Một người thành-thị ăn trắng, mặc trơn, không gian nắng gió, giả sử phải về nhà quê làm đồng hằn lầy làm khổ sở lắm ; chẳng phải nói xa, hăm hiu một chút đã bức-giộc như kẻ hạ lưu bị ốm trầm tria. Vả chẳng người thành thị đã là người nhiễm văn minh nhiều, mà

được ơn văn minh tưới nhuần cho lắm, nghĩa là cửa cao, nhà rộng, lã, là, the, gấm, cao lương mỹ vị... Thế thì văn minh làm cho mình « bầy người » ra thực. Đã bầy người thì như non da, non thịt, yếu ớt, mà cảm giác dễ xúc động lắm.

Minh đã dễ cảm, cái đau đớn lại chẳng thiếu gì, chính vì học-thức tiến bộ mà sinh ra cũng có, người ta tự nhiên, có tính « tò mò », hay tìm xét cho biết mọi sự. Khoa học làm cho ta phải được tinh đó. Nhưng biết một lại muốn biết mười : một điều biết như cái mỗi giữ ta, làm cho ta hăm-hở tìm kiếm để biết nữa, biết mãi. Như thế thì khoa-học làm cho tính tò-mò của ta lan rộng ra, mạnh mãi lên. Vả chẳng cái biết là không cùng. Thành ra lao-dộng mãi, hướng ngưỡng về một mặt, mà chẳng được mãn-nguyện : cái đau-dớn ở đấy mà ra. Guyan tiên-sinh có nói rằng : « Kể nào đào luyện tư-tưởng, kể nào nghĩ đến cái sinh, cái tử thì rồi cũng biết cái đau đớn ấy. Minh từ phía điều như bị các khoa học, các mỹ thuật nài kéo ; mình muốn gián tiếp cả mà phải tự cầm, tự phân phải tự-kiến rằng cái não chất mình đang ham, hút cả sinh lực toàn cơ-quan mình ; tự bắt mình đè nén nó xuống ; chịu sống như thảo mộc chứ không sống như sinh vật khác. Minh không dành thế đau, mình cam để cho cái lửa trung thân mình đốt mình, cho nên tiên-sinh có cho cái tính « hám biết » ta là một cái căn nguyên của yếm-thể chủ nghĩa.

Vả lại nếu cái lòng ham biết ta mà đã đến thái độ quá hám như vậy thì nó làm cho ta chán nản không những là vì phải công phu nhiều mà vì những công phu đó không có kết-quả gì. Vì rằng « ý muốn biết » ta mà đến độ ấy thì lại quá tham, tưởng vọng cao xa, thành ra nghiêm nhiên tìm kiếm, một cách tảo-bạo, rồi sau cùng thì đến cái không sao được. Ông bác-sĩ bấy giờ mới nản một cách sâu vì ông chuẩn động hết nhân-lực mà lại hư không, chẳng ăn thua gì. Thuyết minh được điều nào, tiến được bước nào vào trong vũ trụ, là tự biết mình có dũng-lực, thảo vong linh ; nhưng thấy trước mắt mình còn bao nhiêu cái bí-biễm, mông mênh, so với thế-giới con-người

vỹ đại vô ngần không biết được, thì lại biết mình còn nhỏ; lao động hết sức mà chẳng ăn ai, thì lại biết mình còn kém yếu lắm. Biết mình nhỏ yếu, bao nhiêu càng cực lòng, càng cay bấy nhiêu, mà càng căm con tạo trêu người. Thế chẳng phải đau đớn là gì? Khoa học lại còn làm cho ta đau đớn một cách khác nữa. Ta càng rộng kiến thức bao nhiêu thì lại càng mất những cái mộng-ảo ta tưởng tượng ra bấy nhiêu, mà xem ra cái thế giới ta ở bé lại bấy nhiêu. Như ta khoa học còn phôi-thai thì vẫn cho trên trái đất ta có một cung quang, bông-lai, rất xung-xương. Ta nay lấy mắt khoa học mà nhìn thì có gì đâu? Ta trước, cho khi chết rồi, thì lên một thế giới khác; nay vì biết khoa học lại cho cái chết là cái hư không. Ta xưa bảo xung quanh ta có quỷ-thần, nay lấy lý khoa học ra mà luận thì có thánh nào, thần nào? Ta tự mình là giòng dõi tiên-rồng, con giới, con chúa; nếu mang khoa học ra mà xét cho cùng thì lại là một giống có sinh có tử sinh ra như những sinh vật khác mà thôi. Thi dụ thì nhiều, không sao kể cho hết được. Thành ra có khoa học mà ta mất cả những cái hứng-thú xưa kia. Thuyết lý này là thuyết lý của Léopardi tiên-sinh. Tiên-sinh cũng hiểu đồng-ý với câu kinh-thánh kể trên kia. Tiên-sinh luận-lý mà đoán rằng tự trung cái gì ở trong cũng hư không cả, như câu trong kinh « Vanitas, vanitatum et omnia vanitas ». Đã vậy thì ta chỉ xung xướng được là khi ta không hiểu thấu mọi sự. Nếu mọi sự hiểu lộ thực ra, thì rõ cái hư-không ra; ta thấy vậy ta buồn, ta rầu ta khổ trung tâm. Vả chẳng tri tưởng-tượng ta mà to thì che đậy hết cái hư-không mọi sự, cũng là cái hư-không đời người; làm cho ta choáng mắt, mộng-ảo những cái vui cái thú, để thỏa lòng ngưỡng-vọng, để tri-giác ta ít sâu-cảm mà chuần động cho dai cho dẻo. Nhưng hễ tri phán-hạch mà rộng hơn tri tưởng tượng ta, thì tri tưởng tượng ta mai một đi, thế là bao nhiêu mộng-ảo đều tiêu tán, trơ lại còn cái hiện-nhiên thiết thực rất lạnh nhạt. Léopardi tiên-sinh gọi cái cải-hóa này là cái đổi cũ thay mới. Cái cải-hóa này sinh ra lúc mình trẻ đã qua đã thành người nhớn, mà nom xét mọi sự vũ-trụ tác-lập ra thế nào biết như thế. Tiên-sinh nói rằng: « Trẻ thì thấy mọi đều

trong cái hư-không ; người nhìn thì thấy hư-không trong mọi đều ». Nhân quần ta cũng như đứa con nít thành người. Qua mấy thời đại u minh, thô thiển, nay đã sang cái thời đại sáng của, trí khôn mở mang ra, bỏ được hết thầy mọi đều tin ngưỡng vô lý rồi. Tiên-sinh kể truyện nhân loại tiến-hóa, có đặt ra một tích rất ý nhị : «Đời xưa, người có lên Thiên-dinh xin Ngọc-Hoàng cho thần Thiết-thực xuống hạ-giới, phòng khi sấu nảo, để an ủy mình. Ngọc-Hoàng chuẩn-y cho. Cái vị thần trên thiên-dinh can vì cho là quá đáng. Ngọc-Hoàng phán rằng : « Bê Rồng chuẩn tấu thể là cho nhân loại một cái hại đó : được Thần thiết-thực soi cho, thì lái đất, vũ-trụ đã bé nay thành ra nhỏ nhất quá ; người thấu được những bí quyết mọi vật, mà càng biết mọi vật bao nhiêu, mọi vật lại càng bé đi bấy nhiêu »

Nói tóm lại thì tiên-sinh cũng cho rằng : « càng học rộng bao nhiêu, càng khổ não bấy nhiêu ». Nhưng tiên-sinh kết án cái thiết thực rất ly-ký, mà chê khoa học rất quá đáng. Khoa học có khi nào chỉ cho ta biết những cái hư không ? mà cái hư không có nhẽ nào lại là cái căn-cốt muôn sự được ? Vãn hay rằng khoa-học làm cho ta mất cả mộng-ảo thú vui, nhưng lại làm cho ta rõ cái chât-tự trong bầu giới muôn vật ; cái chât-tự đó, mình còn thiên-trí, không học, sao có biết ? Vả lại khoa-học mà khéo học, khéo nghiệm xét thì lại làm cho ta miễn dòi, mà cho ta rõ những lẽ ta phải sinh-hoạt trên mặt đất. Ít học thì có đều thống tâm thất vọng ; nhưng học rộng thì lòng tin ngưỡng mình thêm mạnh lên. Kìa chẳng xem, biết bao nhiêu những bậc yêm-bác tin cái dòi là cái hay, mà dầu có gặp những điều chẳng may, rủi ro, đến mấy nữa cũng chỉ mỉm cười mà thôi, có u-sầu, đeo cái « chán đời », động nói ra là đau, là khổ, là tang thương, dầu bề, như mấy bác đồ non dầu ? Nghề thế, ít học thì ít nghĩ xâu nông, như con kiến bò quanh miệng trên, chỉ biết vòng cái trên ấy mà thôi, có biết dầu còn lắm cái vòng to gấp mấy mươi vạn lần ? Chẳng hay rằng trên đời phải có vui, có buồn. Nếu chỉ có vui mà thôi thì sao biết là vui, mà sao hiểu được giá-trị

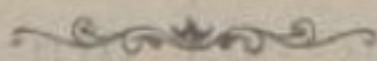
cái vui? Vả chẳng cái buồn, cái khổ, tựa như cái lò đúc để tôi lại cái tâm-linh mình. Càng chịu được khổ bao nhiêu thì cái giá-trị mình tăng lên bấy nhiêu. Nếu hơi một chút, đã chau mày sốt sa thì có khác chi con-nit, đói cũng khóc, thất-ý cũng khóc, chỉ biết lấy cái khóc làm đầu?

Thế mới biết vui buồn có độ, tùy người, tùy sức-học; mà cũng nên nghiệm, như đã nói trên kia, rằng khoa-học, tức là kiến-thức mình, làm cho mình vui xướng hay cay đắng cũng tại mình cả. Khoa-học có cái hại đáng buồn thực. Nhưng tại quá độ. Cái gì quá độ thì có hại, câu phương-ngôn đã nói thế (*tout excès nuit*). Ăn không có chừng còn sinh bệnh huống chi hấp thụ cái khoa-học? Ông Darwin lúc tuổi già, chẳng than thân rằng xuất đời lao-động nghiệm xét bác-học quá đầy ru? Vả hay rằng mình sinh ra thì phải có tri-dục. Nhưng còn người ta không phải chỉ có tri-khôn mà thôi; còn có chí-ý, còn có tính-tình. Ai chỉ xem xét đến cái ngoại-vật, không nghĩ đến thân mình thì nhầm to, thì là quên một cửa rất báu. Mình không có thân sao có tri-biết? Vả chẳng thân mình cũng là một biến-tượng trong vũ-trụ, có đủ mọi thế-phép (*pouvoirs*); thế thì nếu không cho hơn những vật khác, há lại không cho bằng được hay sao? Nhưng cũng nên biết rằng chỉ nghiệm-xét đến thân, mà không ngó ý đến hoàn cảnh, ngoại vật, chăm học ngoại vật quá mà quên mình thì bao nhiêu thế-phép mình, điều mai-một đi, trừ ra tri-biết mình là mở-maug thôi. Như thế thì linh-tinh mình không được điều-hòa; đã không điều-hòa thì sinh lắm mối hư-bại như ta đã nói. Mà nếu chỉ chăm nom xét đến thân mình thì thành ra độn, chỉ biết mình thôi, cũng hại. Người nào có tài yêm bác là người kiến thức hoàn toàn, biết mình, biết có ngoại vật. Cho được như thế thì phải có đủ tri-dục, đức-dục, thể-dục; cốt nhất là đức-dục, vì mình phải có quy tắc, chặt tự, phương-trâm để biết đường mà học cái ngoại vật cho vừa với tâm linh mình, cho có quy củ thì mới khá được. Rabelais tiên-sinh đã nói « kiến-thức chẳng có tâm địa là cái hại cho linh hồn (*Science sans conscience n'est que ruine de l'âme*) » Pascal tiên-sinh cũng nói rằng : « Cái tri-thức ngoại-vật về thời

nhiều, không làm cho ta quên được cái vô thức về luân-lý ; nhưng có luân-lý thì bao giờ ta cũng quên được cái vô học về đường ngoại vật”.

Ta nên lấy hai câu đó mà tự giã ta, nhất là về thời này, là cái thời đổi cũ thay mới, hai cái văn-minh sung đột, trong xã-hội đang hỗn mông, chưa có chuẩn-định về mặt nào. Ta nên nhớ lấy hai câu đó, mà lại lấy câu của Socrate tiên-sinh : ” người nên biết thân người, (connais-toi toi même) ” làm phương-trâm. Có biết mình mới có lòng sáng-sốt, có đức-tính mà noi đến những cái vui-xương thanh-tao. Thành Phật, lên tòa sen, hay là lên thiên-đường là vị thế. Vả chẳng nước ta ngoại bốn nghìn năm nay, lấy luân-lý làm cốt, văn-minh cũng đã tiến-hóa rồi. Nhờ có luân-lý cho nên trong nước có trật tự, trên thuận dưới hòa, phân biệt giương-mối quân, sư, phụ, phu, thê, huynh, đệ, trong xã-hội có thể lực, biết bao phen đã vẻ vang trong cõi Á-Đông này. Nay ta chớ nên cổ-vô quá, táo bạo quá, mà đập đổ những thói xưa. Ta phải nên điều-hòa hai cái văn-minh tân, cựu, cho hợp thời, cứ lấy cái luân-lý ta làm cốt, mà bồi-bổ cái âu-hóa vào như người đắp tượng phải có cái cốt trong mới thành công được. Đừng có nên cho cái gì cũng là hủ. Phải biết rằng trong cái hủ đó, có văn-thần, võ-sĩ, có tôi-trung, có anh-hùng, nghĩa-nữ, có hiếu, có lễ, có tam-cương, ngũ-thường, có mọi cái đức tính ngày nay ít người có. . . Ta phải nên theo nước Pháp giắt giã ta, nhưng cũng phải ăn ở thế nào cho khỏi suy-đổi, cho sau này, hậu thế nhìn đến đất Việt-Nam ta mà không nói được rằng : « Chỗ này xưa kia có một dân bạc tục tụ-hợp với nhau, làm cho sáu cả mặt địa cầu. Nay mất đi rồi, cũng là may lắm, may lắm ! »

LÂM-VĂN-CÚC



CÁCH DẠY TRẺ HỌC NAM NGŨ THEO TÍNH TỰ NHIÊN

Nhiều người vẫn tưởng tiếng an-nam là dễ nói, văn quốc-ngữ là tầm thường, điều đó là nhầm, các Báo-quán nghị luận đã nhiều, tôi tưởng không nên nhắc lại làm gì, thêm bận tai đọc-giả ; song cứ nhất khái bảo là khó, thật không khó gì, khó hay dễ, bởi người dạy mà ra cả. Trừ ra những văn chương thủ đoạn, như của các bậc tài-tinh, đã từng phen múa bút chốn tao-dàn, thi thổ đem tài lỗi lạc, ngòn luận những phần dịch đáng, ý tứ lại sâu xa, mình bắt chước, vị tất đã xong ; chớ nói sao viết vậy, qui hồ cho mình bạch, mạch lạc dứt khoát, gãy gọn, thì câu nói phải, ai là chả hiểu, ai nỡ bỏ qua.

Bây giờ ta nên xét vì những lẽ gì mà trẻ con đi học, nhiều câu nói ra vẫn lúng túng, động viết cũng không thông ? — Quả vậy, nói đã không thông, viết thông sao được, tôi thấy nhiều cậu đến 11, 12 tuổi ; hơi hỏi là lúng túng, không biết giả nhời thế nào cho phải, bảo viết một bài ra giấy, độ nửa trang giấy, chỉ thấy những chữ : « rồi. thì. mà. » giả phỏng bắt bỏ bớt những chữ ấy đi, thành ra các cậu cứ lẩn quẩn bút mà không ra chữ.

Chẳng qua vì lúc con trẻ ngồi trên ghế nhà trường, tri khôn đã câu thúc, phần lo lắng có sẵn, vẻ tự nhiên ai gọi mà thưa, hơi động nói ra, chỉ sợ thầy lại xóa đi mất, trừ ra một vài câu bạo dạn, hơi hỏi là nói, gặp nào nên vậy, bạo nói là ta, rút cục lại có đầu vào đầu, thôi thì câu được câu chẳng, khuếch khoáng liễu sự, thế chả thành ra một hạng trẻ « đa ngôn. . . . ». Đại khái ta dạy học-trò về khoa ngôn ngữ « exercice de langage » bắt chúng giả nhời, hay lặp lại, theo đúng y câu nhất-định là hay, có khi câu hay đó dài quá, chúng phải ề ề như giọng đọc kinh, thật không phải cách ứng đối, ứng đối phải cho tự nhiên. Vả chẳng ứng đối là tài năng riêng của từng cậu một, ta chỉ nên nghe mà nâng rước tài lên, sai đâu lựa đấy mà chữa. Thẳng hoặc một vài câu gọn gàng, đáng làm mẫu cho mấy cậu tổ tính xưa nay, ăn nói vẫn ứng, nên bắt lặp

lại cho tường, còn thì không nên lạm dụng. Ta phải biết trẻ con đều có tư chất thông minh khác nhau, nếu cứ nhất khái bảo phải theo y như kia, chúng thấy của mình đúng lại bỏ đi, tuy lệnh thầy phải theo, cũng là xuất ư bất đắc dĩ; trong lòng vẫn có ý không muốn, mà ngoài miệng cứ phải theo, theo là theo hão. Tôi lại thí dụ: tuyết cũng trắng, ngọc cũng trắng, hai chất trắng ấy có giống nhau không? hay cứ bắt giấy bầu kia phải mọc thẳng rặng như cây cau, hề lúc nhặng đi, tắt nó lại truồi xuống, chi bằng cứ theo tính tự nhiên mà uốn nắn thì hơn.

Vậy cách dạy trẻ thế nào cho thích hợp với tính tự-nhiên của chúng? — Trẻ con bẩm sinh tư chất đã khác nhau, giọng lưỡi không đồng nhau hết; phần nhiều các cậu chỉ biết nói mà chưa biết nghĩ, ta nên nhâu đó mà thêm vào nhời nhẽ, ý tứ, khôn ngoan, chớ không nên phí bỏ hết những điều khả thủ của lũ ngây thơ, mà hết tuỷ chữa đi hay bắt theo ra một ý-tưởng khác, đem râu ông cắm cằm bà, buồn cười, vô ích. Tính tự nhiên của trẻ còn đang non nớt, bằng bằng như mặt giời mới rạng, chồi quế nên tơ, tẹt phải đám mây đen, cơn gió lốc, phỏng còn mong gì ánh sáng với hương thơm.

Ta dạy bài học luân-lý, sử-kỷ, cùng bài luận quốc-ngữ, nghĩa là hết thấy các khoa học bằng tiếng An-nam sau khi cắt nghĩa xong, phải hỏi lại — hỏi đây không phải là hỏi vụn vặt mỗi cậu học trò một câu, thế là nhằm — hỏi cho chúng phải nói dứt khoát từng bài từng đoạn, tức là cách tổng luận « Résumer », xem nói có trôi chảy không, rồi nói sao phải viết y vậy, không được bịa đặt thêm ra hay rút bớt đi, — một điều nên tránh, là đừng để trẻ nói một đoạn lại viết đi một nẻo, thậm chí nhiều cậu học trò hỏi đâu nói đấy, trôi chảy lạ lùng, thế mà viết ra là luống cuống, hình như viết được thì không nói được, nói được viết lại không xuôi, vì ít khi ta bắt chúng tả những câu nói đó ra giấy hoặc bảng đen, lên động cầm đến quẩn bút là liu lười lại, cái máy tự nhiên đã chịu xếp xó một nơi.

Vì bằng bài tổng luận đó, một vài cậu nói không xuôi, — đây không cần phải nhiều cậu nói, mới là bổ ích, — ta sẽ

lựa ý lựa giọng, nói lại cho nghe, nhất là chữa bài gì bằng chữ quốc ngữ, bài hay nhất và bài dở nhất, đều phải tự chúng đọc lên, câu phải biết rgle, câu dở tự biểu, ta nhân đó mà bình phẩm thêm vào, khiến cho trẻ con vẫn bảo-toàn được tinh thiên-năng, nhanh quá phải dịu dần, chập li càng cố gắng. Ta đừng tưởng tinh trẻ con có rèn tập ráo riết mới nên hay, thử đem một câu hỏi đồ học trò, tuy giả nhời lẽ lối có khác nhau, song đều có phần phải chẳng khả thủ, càng hỏi càng lăm câu ứng đối rất thần tình, tôi không dám nói ngoa, những cái khéo léo khôn ngoan của trẻ con, lăm khi người nhớn bắt cập. Đủ biết trẻ con vẫn có tinh tốt, nếu nhất đán mới nhò ra, đã mãi một rớt ngay vào lòng quy-củ, chẳng ra phá hoại cái thiên-lương. thiên tri của trẻ lăm ru !

Ước gì dạy trẻ con học pháp ngữ « langue française », cũng theo tinh tự nhiên, khiến cho trẻ tự mình dung hóa lấy mình, còn đường lối nên đi hay không, đã có thầy chỉ bảo, ngõ hầu có lợi bội phần, nhất là cho những bọn khách thiếu niên đang chập chững trên đường Ấu-học.

Bạn đồng nghiệp, các ngài nghĩ sao... ? Người ngoại quốc suy xét phong hóa, tính tình của ta bằng lời nói, hoặc bằng văn viết, hướng chỉ bốn phần mình là đang dắt dún đàn em bé lên đường tiến thủ, dạy chúng học ăn học nói học gọi học thưa, muốn tập chạy, trước hết phải tập đi cho chắc chắn đã ; chớ như câu : « muốn tý oản Bụt cho thơm, thịt gà cơm nếp có nướm trong nhà » mình tự rẻ của mình sao đáng, mình tự rẻ, còn mong ai quý của mình.

Xin các ngài lưu tâm đến cho, đề khoa dạy nam-ngữ sau này, có phần kiến hiệu hơn lên, là nhờ công nghiên cứu hàng ngày của các ngài, tôi đâu dám tự phụ.

. HÀ-QUANG-HUY

CHO CON ĐI HỌC ĐỂ LÀM GÌ ?

Tôi thường thấy có người cho con đi học nói với thầy rằng : « Cho cháu đến ăn mày thầy để kiếm dăm ba chữ ». Vậy thì có phải là đi học để kiếm dăm ba chữ không ?

Cái ấy cũng có. Song ngoài việc học chữ còn bao nhiêu việc cần hơn nữa mà chúng ta thường nhãng đi. Chúng ta thường quên rằng học để cho biết cách ăn ở, cho đủ khiêu tinh nhanh, rộng tài khôn khéo. Những cái ấy ta thử nghĩ xem có quý không.

Đi học chỉ mong làm ông nọ ông kia, đỗ bằng này bằng khác, mà không biết cách ăn ở thì sao ra người. Không tinh nhanh làm sao nổi việc. Không khôn khéo sao kiếm được ăn.

Học còn nhiều điều ích nữa.

Ta cứ xem xem, tại làm sao mà việc cải-lương hương chính không thành hiệu? Có phải rằng tại dân trí chưa mở mang không?

Tại làm sao mà cứ đục nước béo ai mãi? Có phải là dân chưa có học không?

Tại làm sao mà chỗ quê mùa rộng giải mà cứ bệnh nhiều chết lắm thế? Có phải là tại ít biết vệ-sinh không?

Ngay như dân một tỉnh Nam ta đây, sao cứ phải đi Xiêm đi Lào? Tại làm sao mà phải lìa bỏ quê cha đất tổ mà đến những chỗ chướng-lệ, qua những nơi rừng sâu thú giữ? Tại làm sao mà biết bao nhiêu người đi tay không rồi lại về tay không? Biết bao nhiêu người của Lào lại giả Lào?

Tôi giám giả nhời tất cả những câu hỏi trên ấy bằng một câu :

Ta ít học.

Ta ít học hay là ta học nhầm.

Ít học mà đi cũng nhiều, học nhầm mà đi lại lắm nữa. Học chỉ chăm chăm lấy đỗ, ấy mà không đỗ là đi ; đỗ mà giở rang rồi cũng đi.

Bây giờ ta nên tỉnh lại. Đừng học làm quan nữa, đừng làm ông nọ ông kia nữa, đừng học những thứ tiếng lạ tai bô bô vô ích nữa. Ta chỉ nên cho con ta đi học cho biết nói, biết đọc, biết viết, biết tính, và nhất là biết cách ăn ở với ta : hiếu với cha, trung với nước. Ta có cho nó đi thi, thì ta cũng phải nghĩ ngay cho nó thật thích hợp với tính với tài của nó để nó làm ăn. Chọn nghề

cho nó thì không cứ nghề gì, miễn là thật thích hợp với tài nó thì thôi. — Nó đã biết đường ăn cách ở thì còn đâu những đứa nghịch tử, loạn hầu. Nó đã tinh nghề thì còn sợ gì thiếu thốn. Nói tóm lại thì nó đã ra người, ta còn phải lo gì nữa.

Vậy: cho con đi học là để lên người, chớ không phải là cốt nhốt ở thi cử.

Ta chớ nhầm mà hại một đời con ta.

THÚY.

CÓ TRÍ THÌ NÊN

Nhiều người tinh anh tuấn tú nếu biết lợi dụng thời giờ nhàn rảnh để bồi bổ tinh thần nuôi nấng trí óc hoặc hỏi han thầy bạn, hoặc tra cứu sách vở thì có thể vẻ vang mây mặt rõ ràng mẹ cha được. Than ôi! họ lại thừa những lúc vô công rồi nghề mà lẩn lóc suốt ngày vào đám đồ trường, hay say mê cả đêm ở sớm bình-khang, nên cái não lực một ngày một kém, cái tinh thần một ngày một trụy lạc, đến nỗi thua anh kém em. Đáng thương thay, đáng tiếc thay! Nhưng cũng đáng dạn thay, vì họ không biết nhận tội mình lại tìm đường giập lỗi, viện cớ che mình mà oán hận ăn năn rằng lúc bé vị cảnh hàn vi mà không được học hành đến nơi đến chốn. Nếu đọc kỹ truyện ông Franklin và ông Drouot sau đây thì ta hiểu rõ rằng nếu có trí tiến thủ cho kịp anh em có bụng ganh đua não lực ở đám tại trường thì không ai là không có thể học hành thêm lên được vậy.

I — CHUYỆN ÔNG FRANKLIN

Ông sinh ở thành Boston châu Mỹ năm 1706, ông là con người thợ làm sà phòng nghèo. Ông chỉ được học qua loa sơ lược: biết đọc, biết viết, biết tính có thể thôi. Nhưng lúc được vào làm thợ một nhà máy in kia chi hậu, ông thích đọc sách lắm và nhờ cái tình hiếu học ấy ông học thêm biết được nhiều. Chẳng bao lâu, ông có thể viết được ít bài đăng vào một tờ báo kia và làm được thơ cảnh tỉnh

dân dân. Đến hai mươi ba tuổi chủ thợ nhỏ này nhờ có thứ tự nề nếp, làm ăn chuyên cần, tiết kiệm dè sẻn, nghiêm nhiên thành một ông chủ nhà in trong tỉnh Philadelphie. Dần dần ông được phong tước rồi rào sau thành nên một ông chủ đại hiệu. Ông không theo thói thường những người dầu nổi thấy bạn thợ cũ xem thường xem khinh. Nhưng tự dấy ông cực cung tận tụy về việc giáo dục cho dân chúng và ông đem tri tài rồi lòng đạo đức ra để ứng dụng vào cái việc quảng đại ấy. Ông mở một tờ nhật báo và làm một quyển sách giấy báo dân dân nhau đề là « Bổ Cu nên giàu » tức là một bộ trí phú cầm nang bán rất rẻ. Quyển sách trí phú cầm nang này là một cuốn sách ghi chép những bài trích-lược « Thường Thức Tâm Thường » để cung hiến cho những bọn cày sâu cuốc bẫm : ông giấy cho họ biết cách giồng giọt ruộng nương, nuôi giầy trâu bò. Ông cũng nhân đó lại khuyên bảo thêm cho những bọn quê mùa kia những điều luân thường đạo lý, giảng giải từ từ cho họ biết trọng thực thà, biết kính nhời nói, biết vui làm thiện, biết sử tiết độ, biết chừa dốc giá, biết bỏ gian tham. Bởi thế người nào mua quyển sách ấy để tìm cách chữa khỏi dịch trâu bò thì lại được thêm mấy câu khuyên về sự giới tửu, giới gian nữa. Quyển sách trí-phú-cầm-nang được công chúng hoan nghinh nên ông Franklin mau giàu có lớn. Trước bản tâm ông tưởng là làm điều công ích mà sau thành ra mỗi đại lợi.

Khi nên một nhà rất phú cường rồi, ông hô hào quyền tiền trong dân dân để lập một nhà thư-viện mà châu Mỹ bấy giờ chưa từng có. Thực vậy, cũng như các nhà đại tri khác, ông tưởng rằng cái ngu là bả làm hại cho dân, vậy muốn làm cho tuyệt diệt cái nghèo khổ, cái xấu xa đi thì không thuốc gì công hiệu bằng ban bố trong khắp quốc dân sự học vấn. Nghĩ như thế, ông liền thảo ra một cái trưng trình học trong các trảng công. Cùng lúc bấy giờ, ông rất nhiệt thành về việc cổ phần để lập nhà thương cứu giúp kẻ nghèo người khó và nhân ông có tri phòng xa, ông lập nên một đoàn phủ hỏa cục để dự phòng và để chữa những đám cháy gồm ghê nguy hiểm hay phát ra ở trong một tỉnh mà những nhà thương làm bằng gỗ, thực ông có lòng công ích lắm vậy.

II — CHUYỆN ÔNG DIONAT.

Ông ra ứng thi vào trường pháo thủ về mùa hè năm 1793. Một lũ thiếu niên tuần tú tinh anh chen vai thích cánh nhau vào trong một cái phòng ở trường pháo thủ tỉnh Châlons sur Marne. Kỳ thi này tuyển lấy một trăm tám mươi tên sinh viên ra đóng chức quan một, có quan Laplace đại thần làm chánh chủ khảo. Cửa trường mở, thi sinh vào. Có một cậu nhà quê vào thi cậu này bình vóc bé nhỏ, giàng bộ ngò nghê, chân đi giày to sù, tay cầm gậy nhón tương. Trông thấy cậu mới đến ấy, mọi người tức cười ầm ầm lên như pháo nổ vậy. Quan Chánh chủ khảo bảo cho biết rằng có lẽ vào nhầm chảng, nhưng cậu ta đáp lại xin vào ứng thi nên quan trưởng cho vào ngồi đợi. Mọi người đợi chờ đến lượt cậu nhà quê ấy vào thi xem cách ứng đối ra thế nào. Đến lượt cậu vào diện-hạnh. Vừa hỏi được mấy câu đầu, quan Laplace đã biết ngay rằng người này có trí cao giá cả nên ngài cho là một người tài rồi lạ thường. Lục vấn ra ngoài trường trình ngài hỏi đến những bài tính rất tỉ mỉ khó khăn, nhưng cậu ta trả lời lưu thoát cả, câu nào cũng rõ ràng minh bạch, đúng mực như in đủ biết rằng viên thi sinh này thông minh rất mực nói năng phải lời. Quan Laplace cảm động ngợi khen liền ôm lấy má hôn và bảo cho biết rằng được đỗ thủ-khoa khoa này. Kỳ thi vừa giải tán rồi, con người hàng bánh ở Nancy tức là ông Drouot về vinh quy rất là vẻ vang sang trọng. Cách đó độ hai mươi năm quan Laplace tâu trình hoàng thượng rằng: « Muôn tâu bệ-hạ từ khi kể hạ thần được vâng sắc chỉ Triều-dinh ra chấm thi chưa thấy ai học rộng tài cao bằng ông chánh nguyên-soái Drouot đây vậy ».

Vì duyên cớ gì ông Drouot được nên công danh rực rỡ như thế ấy ? — Chính bởi lúc nào cũng chăm chỉ làm ăn, mới lên ba tuổi đã đến cửa trường kia xin học, nhân không được vào học, ông bé con kia, khóc lóc suốt mười giờ về.

Đến tuổi nhón khôn, song thân ông cho đi học nhưng vì lẽ gia tư bần bách, nên vừa đi học vừa phải làm việc nhà. Ở trường về phải đi mang bánh đến nhà bạn hàng,

phải coi sóc hàng họ, vì thế ông mất nhiều thời giờ không học hành chuyên chỉ như anh em được vậy. Buổi chiều nhà hà tiện dầu, tắt đèn sớm. Hễ ông thấy bóng trăng soi vào nhà là ông chịu thức khuya để nấu sủ sôi kinh. Thực là ông tìm mọi cách để lợi dụng thời giờ về sự học hành. Quyền sách dưới bóng trăng mờ, ông nghiền nghĩ văn bài cẩn thận. Mới hai giờ sáng có khi sớm hơn ông đã giậy rồi. Lúc này là lúc nhà thắp lên một ngọn đèn mờ để bắt đầu làm việc. Ông cùng giậy lúc ấy để học bài làm văn, nhưng mà ngọn đèn khi tỏ khi mờ, giờ chưa rạng đông đã hết dầu tắt đi, ông đành phải nhờ cái ánh lửa lò bánh để đọc những cổ thi của các danh nhân thừa trước.

Q. S.

LẦN VƯỢT BÈ CUỐI CÙNG

Đáng nhẽ ra chàng Hoa-tê-ri làm ở sở vô-tuyển-diện không được đem cái tin đáng sợ kia lộ cho cả mọi người biết; cái tin ấy chỉ có quan chúa tàu cùng các viên quan võ ở trên tàu được biết mà thôi. Nhưng mà chàng Hoa lại là tình nhân của chị Mã-gia-Lê cũng là người làm công trên tàu ấy; muốn khoe khoang một chút với tình nhân, chàng bèn đem cái tin kia nói cả cho chị Mã được rõ. Chị mã thì không có gì thích bằng đem cái tin ấy báo ngay cho Hàm-Mỹ phu nhân là bậc quý khách trên tàu. Phu-nhân lại đem tin đó báo cho công-tử Hà-Ry biết, điều đó cũng là cố nhiên. Bởi vậy chiều hôm ấy, khi Hà công-tử vào phòng hút thuốc, thời mặt chông ra đã có cái vẻ bí mật âu sầu, làm cho ai nấy cũng lấy làm lạ mà nhìn vào công-tử.

Chúng tôi độ năm sáu người đương đánh bài. Trong đám bạc có Mỗ-di-Sơn là một viên kỹ-sư có tiếng. Vi-lý-Am là một nhà công nghệ Si-ca-gô, Chị Cago và chàng Sa-Mân là con một nhà triệu phú-dương ham mê trong cuộc đỏ đen. Mỗ-di-Sơn vừa chia bài vừa hỏi Hà-công-tử rằng :

Nay công-tử, làm sao mà chông công-tử có vẻ hốt hoảng thế? Hay công-tử đã chông thấy chiếc tàu ngầm nào gần đây chăng?

Câu đoán của Mỗ làm cho Sa-Mân phải bật cười.

Thưa ngài, ngài giậy làm rồi. Chỗ này đã làm gì có tàu ngầm được. Giấu quân Đức có bạo đến đâu đi nữa cũng chẳng dám bén mảng đến đây còn cách bờ bể Nước Anh hàng ba bốn ngày đường. Nhờ giới chiếc tàu Lý-thuận-An này chưa đến nỗi mắc cái nạn tàu ngầm hay thủy lôi đâu ạ.

Mỗ-di-Sơn đoán thế cũng sai thật, vì chiếc tàu Lý-thuận-An này đi đến Li-vê-Bôn (Liverpool) mà khởi hành từ Nru Ước (New York) mới được một ngày vậy cũng còn sa chỗ tàu Lusitania bị thủy lôi đánh đắm vài chủ nhật trước. Nhưng Hà-công-tử sẽ lắc đầu mà rằng :

— Không ! Mỗ tiên sinh đoán thế cũng không sai hẳn đâu, Câu giả nhời ấy, chúng tôi cũng cho là câu nói đùa không làm cho chúng tôi kinh ngạc gì, nhưng chỉ có lão Vi-Lý-An là sợ hãi hiện ra mặt kêu lên rằng :

— Trời ôi ! Thế nào, công-tử nói cho tôi biết mấy, có tin báo rằng có tàu ngầm đấy à ?

Hà công-tử giả nhời : không, thưa cụ không có tàu ngầm ạ nhưng lại có thứ đáng sợ hơn là tàu ngầm kia ạ,

Thấy Hà công-tử có giảng sợ hãi thật, chúng tôi cũng lấy làm lo. Lão-Vi, người lùn thấp, bụng béo sệ, hai má múp míp, trông như một vị Gi-Lặc ở chùa nào lạc đến, rồi rit cả lên, hình như chỉ chực chạy ra cửa phòng Mỗ-di-Sơn sốt ruột hỏi rằng :

— Thế là thứ gì vậy công-tử ?

Hà công-tử cũng chẳng giấu giếm gì nữa :

— Đây câu chuyện có thể này, các ngài thử xem là chuyện đùa hay là chuyện thật. Vừa sáng ngày hôm nay, sở cảnh-sát trung ương thành Nru-Ước có đánh vô tuyến điện ra đây báo rằng : trong khoảng tàu có một quả bom giấu ở đó. Quả bom ấy lại có đặt một cái máy đồng hồ, trong vài giờ nữa biết đâu trong vài phút nó lại không đưa cả bọn mình xuống đáy biển. Những người ngồi đó ai trông cũng tái mét cả mặt đi, Mỗ-di-Sơn trông cũng có vẻ sững sốt, còn lão Vi thì nằm lăn ra ghế kêu luôn miệng rằng : chết, chết rồi có bom à ? Có bom ở trên tàu à. . . .

Chàng Sa Môn định thần trước nhất :

— Chả có việc gì. Quan chúa tàu nay đã biết, chỉ có việc tìm trong khoang tàu lấy quả bom rồi vút phăng xuống bể là hết chuyện.

Mỗ-di-Sơn nói hắt di rằng : 'Thôi, xin cậu, dễ lắm đấy, cậu tưởng bây giờ lục được hàng 15 tấn hàng dễ lắm đấy.

Lão Vi cũng góp : thế thì chúng ta chỉ có việc bỏ tàu mà cút là thoát. Lão Vi sợ hãi quá, trông thực buồn cười. Nhưng Mỗ-di-Sơn nói : không nên bỏ tàu đây mà trốn, vì rằng tàu định tránh những miền có tàu ngầm Đức, nên không theo lối vẫn đi xưa nay ; nếu thả xuống hay sà lúp xuống bể, chỉ sợ vợ vẫn mãi không có tàu nào cứu thì nguy. Vả đi như thế, ngộ có tin tức gì bằng vô tuyến-diện đến thì không bắt được. Nhưng trước khi có tàu khác đến cứu, ngộ quả bom kia nổ thì sao ? Cái tình thế chúng tôi lúc bấy giờ rất là nguy cấp.

Khi xem đi xét lại hết các cách giải cứu được cái nạn ấy, mà không cách nào có thể thi hành được, chúng tôi ngồi ngầy cả ra đấy ; nhất là khi thấy Mỗ-di-Sơn về phòng nói đề thu xếp lại các giấy má, chúng lại càng sợ hãi lắm. Lúc nào chúng tôi cũng tưởng quả bom sắp nổ, hơi một tiếng chuyển trong tàu cũng làm cho chúng tôi giật nảy mình lên. Lão Vi thì rên rĩ hoài làm cho chúng tôi càng thêm rối ruột. Bấy giờ giờ đã gần tối, Hà công-tử đứng giậy nói Thôi, xin lỗi các ngài, tôi xin về đi nghỉ. Trước khi ra khỏi cửa, công-tử lại quay lại : à quên, tôi quên chưa nói đề các ngài biết trong bức điện tin còn.

— Tôi vội hỏi : còn gì thế công tử ?

— Còn có tên thám tử Đức cũng đi chung tàu với chúng ta :

— Rồi công-tử vội vàng chạy ra để theo phu-nhân vừa đi qua đó

-- Lão Vi lại rên rĩ : Trời ơi ! lại còn thám tử Đức nữa cơ à ?

— Lúc đó có một người cũng ngồi trong phòng hút thuốc mà từ đầu đến giờ vẫn ngồi im, bấy giờ mới nói : Các ngài không thấy hai cái tin ấy chái hẳn nhau à ? Chúng tôi quay cả lại thì thấy một người còn trẻ, gầy gầy, sương sương đầy mặt những sẹo cằn cằn, tóc hơi hung hung đỏ và cắt ngắn.

Tôi hỏi :

— Thế nào là chái nhau hử ông ?

Trái nhau hẳn chớ : Nếu có bom ở trên tàu mà lại có cả thám tử Đức nữa, vậy cái anh thám tử ấy cũng muốn chết theo cả hành khách hay sao ? Khi người lạ mặt ấy nói, Sa Mân chủ ý ngồi nghe, sau hình như không cho là phải, quay lại nói với tôi rằng :

— Trung úy ạ, ông này rất không am hiểu tình người Đức ; Nếu có cần phải coi sóc quả bom đó, tôi dám chắc một người Đức chẳng hèn gì mà không dám liều thân xuống tàu để đền nợ nước.

* *

Tôi không phải là người hèn nhát ; Tôi đã từng quân trong sáu tháng giới, đứng đầu một đội quân Gia-nã-đại, xông pha trong đám đạn lửa, đó cũng đủ chứng cho tôi vậy. Tôi bị thương ở Nơ-vô-sa-Pen (Neuve Chapelle) về điều trị ở Luân-Đôn, sau về tĩnh dưỡng tại nhà tôi Kê-Béc (Quebec) Nhân tiện tôi còn được nghỉ vài ngày, tôi sang Nuru-Uớc, thu xếp một việc quan trọng nay tôi lại đáp tàu Lý-thuận-An để sang với đạo quân của tôi. Tôi thật không phải là người dốt, nhưng chuyện quả bom này cũng làm cho tôi áy náy trong lòng. Phải, tôi cũng chẳng giấu giếm làm gì, tôi có chút sợ thật, nhưng không phải là sợ cho tôi mà là sợ cho Minh Hải Kim tiểu thư. Tiểu thư người ở Tây-lô viên (Taylorville) cũng đáp chuyện tàu ấy để sang mặt trận sung làm chức nữ khán hộ trong các nhà thương binh ; tiểu thư là con một nhà đại phú gia bên Mỹ vẫn có giao thiệp với cha tôi. Trước tôi không được biết tiểu-thư, nhưng cha tôi vẫn đi lại ở Tây-lô viên thường nói chuyện tiểu-thư là một người hiền-nữ. Một hôm cha đi Tây-lô viên về, bảo tôi rằng : « tiểu-thư với con thực là sủng dôi quá ». Mà quả thế, may chuyến này cùng đi một chuyến tàu mới biết là cha tôi nói không sai. Tiểu-thư thật quả là người tôi đang cần. Nếu nhờ giới được bình yên ở hàng trận mà về thì sau khi chiến tranh tôi quyết cùng tiểu thư kết tóc xe tơ. Nhưng nổi riêng riêng biết một mình, tôi chưa dám ngỏ ý cùng tiểu-thư,

ý muốn tự tiểu-thư rõ cho tấm lòng luyến ái chân thành của tôi mới là thỏa. Lòng vẫn hỏi lòng: sang tới Pháp ta sẽ ngỏ ý cùng tiểu-thư, không biết tiểu-thư giả nhời ra làm sao nhỉ? Nhưng tôi có thể tưởng tượng được câu giả nhời ấy sẽ làm cho tôi khoái lạc biết là chừng nào, vì mỗi khi hai người nhìn nhau thì tiểu thư lại mỉm cười, trong ngụ biết bao nhiêu là tình tứ. Nghĩ đến người đẹp dễ là thế, thủy mị là thế, có nét có duyên, đào tơ dương mơn mớn trên cánh mà gặp cái tai nạn này, đến nỗi hoa chìm đáy biển, chẳng dứt từng khúc ruột sao cho được!

Trong lòng bấy giờ chan chứa nhưng lo sầu, tôi lững thững lên trên boong. Giời trong xanh ngắt một màu, mặt bể êm đềm phẳng lặng, một vầng giăng tỏ chiếu xuống nước tựa như chải một tấm thảm bạc lên trên. Tôi không sao ngủ được, định đi đi lại lại cho khuấy khuấy nỗi lòng, thoir thoảng trông thấy Minh hà đương dựa vào hàng lan can chông ra ngoài biển, đứng cạnh nàng có một người to béo, thoảng trông đã biết ngay là lão Vi. Trông lão thật là khả ố. Tôi không sao nhìn được cái lòng ghét lão nữa; tôi den đến lại sau một đồng thùng nắp ở đó nghe rõ được cả hai người nói chuyện.

— Cụ Vi, cụ cố trấn tĩnh mạnh bạo lên một chút chứ, tu my gì mà lại giắt như thế? cùng ra nữa thì ai cũng một lần chết, chứ sao!

— Chết như! ta sắp chết cả như? VẬY tôi không bao giờ còn được trông thấy vợ con tôi nữa như? Hiện nay vợ con tôi ở cả bên Thụy-Sy, vì chỉ có ở đó là được yên thôi. Minh Nga con ời! Tiểu-thư này, không bao giờ tôi nhớ đến con Minh-Nga nhà tôi mà tôi cảm được nước mắt; khốn nạn con cháu nó xinh xắn làm sao! Mà này lạ quá, tiểu thư ạ, con Minh Nga nó lại đồng tiểu thư như dúc ấy, cháu cũng bằng chạc tiểu-thư, cũng tầm thước thế, cả cái nước tóc cũng giống nhau. Khi mới bước chân xuống tàu, tôi đã tưởng là con Minh-Nga nhà tôi. Minh-Nga ời! à này, cái tên cũng hơi giống mới lại lạ chớ! Khốn nạn, Minh-Nga con ời! không bao giờ con lại được gặp cha nữa con ời!

— Có việc gì cô ấy lại không được gặp cụ nữa, cụ lần thần lắm, cái tin mới rồi tôi cho là các viên trình thám nhằm đấy thôi, cụ cứ yên tâm, xin cụ cứ đi nghỉ đi !

— Tôi đi nghỉ yên làm sao được ? Ai hôm nay lại có nghỉ yên được ? (trông thấy tôi vừa ở chỗ ẩn đi ra) kia Trung-ủy Ba-Nê, Trung-ủy là nhà võ tướng cũng chả yên tâm đi nghỉ được nữa là tôi.

Tôi vừa nhìn quanh tôi vừa nói : Phải, lại cả Hàm phu-nhân và công-tử, cả Sa-mân, Mô tiên-sinh và cả tiểu thư nữa ; song tiểu-thư là bậc nữ-dũng, quả bom ấy không đủ làm cho tiểu-thư phải sợ thì phải.

— Vậy chớ nó có làm cho Trung-ủy phải sợ không à ?

— Cho tôi thời không, nhưng cho tiểu-thư thì khác. . .

— Tại làm sao lại khác hử Trung-ủy ?

Tôi đã định đáp lại. Trong bóng tối cặp mắt xinh đẹp của tiểu-thư đương nhìn thẳng vào tôi. Bây giờ chỉ có hai chúng tôi, vì lão Vi sợ quá không dám nói chuyện với chúng tôi nữa. Chỉ có hai người đứng với nhau, thế mà tôi không sao nói thành được một tiếng nào, cái tình luyến ái nhau đã nồng nàn đến cực điểm, thời cái lòng e lệ thẹn thùng cũng lên đến cực điểm. Lúc bấy giờ hình như quanh mình chúng tôi toàn những người lạ cả

Gần bên chúng tôi nghe có tiếng Sa-Mân gọi Mô-di-Son, Mô thì đương viết lách gì trên một quyển sổ. Sa-Mân hỏi :

— Ngài viết gì thế ? Lúc này là lúc nào mà ngài cũng làm việc ?

Mô-di-Son không ngần đầu lên, chỉ đáp :

— Tôi tính xem cái quả bom đó có được bao nhiêu chất nổ mà có thể đánh đắm được cái tàu này.

Hàm phu nhân vội hỏi : Thế ngài tính thấy thế nào ?

— Tôi không dám để phu nhân phải sợ hãi. Nhưng xin nói qua để phu nhân biết rằng cũng không cần phải nhiều chất nổ mấy làm đắm được tàu, chỉ một cái hòm giải độ 2 thước rộng độ thước rưỡi, to độ bằng cái hòm đàn chằm chằm Sa-Mân vội nói : Kia lão Vi đã tới, xin ngài đừng nói nữa lão lại đến ngắt đi mất thôi.

Bấy giờ lão Vi đương rên rỉ đi ở trên boong, chúng tôi hiểu ngay tại làm sao ban nầy lão không đứng nói chuyện với chúng tôi. Khi lão ra, lão đã đeo được chiếc thắt lưng nổi phồng khi đắm và một cái va ly bọc bằng vải không thấm nước được trong lão nói có đựng lương thực.

Mỗ-dĩ-Sơn sẽ so vai bảo : Cụ phòng bị thế cũng vô ích, khi tàu đắm mà cụ có nhảy ra được, cụ cũng chỉ chịu được vài giờ là cùng vì nước bề lạnh lắm cụ ạ !

Nghe thấy thế lão lại càng thêm chán ngán. Giữa lúc đó thời Trung-úy-Mỗ là viên quan võ làm ở tàu ấy đi đến, Sa-Mân hỏi :

— Này Trung-úy hôm nay có tin gì lạ không ?

— Thưa các ngài không, tôi vừa biết các ngài đã rõ cả cái tin ấy rồi, vậy tôi cũng không giấu các ngài làm chi nữa. Hôm nay quan chúa tàu đã cho lục soát cả trong các khoang tàu, song cũng chưa thấy gì cả. Hề có tin gì lạ tôi sẽ nói để các ngài được biết; nhưng cần nhất chờ cho hành khách được biết, tất là huyền nào rầm lên chờ chẳng không.

— Vâng xin theo nhời thiếu-úy, nhưng giữ gìn thế cũng vô ích thôi, kìa thiếu-úy thử nghe xem, họ biết cả rồi kìa kìa.

Khắp tàu chỗ nào cũng nao nao cả lên, cửa sổ nhiều cái đã có ánh đèn sáng, hành khách hốt hơ hốt hoảng lên cả trên từng thượng, kẻ kêu người khóc rất là huyền nào. Bỗng có tiếng người đàn bà kêu lên rằng :

— Giời ơi là giời ! chúng tôi chết cả bây giờ đây, xin giời phù hộ cho chúng tôi tai qua nạn khỏi, đi đến nơi về đến chốn . . .

Kể đó lại nghe tiếng một người rất quả quyết mạnh bạo :

— Quan chúa tàu đâu ? ông để cho chúng tôi chết cả đây hay sao ? Thả cả xuống xuống bể đi chứ !

Từ mũi chi lái lại ầm ầm cả lên. Có mấy người liều quá đã chực thả xuống xuống, may có mấy viên quan võ ngăn cản lại mới được. Quan chúa tàu tức thì thối còi ra hiệu cho các thủy thủ lên cả trên boong canh giữ rất

ngghiêm nhậт. Tôi cũng lắp đạn vào súng lục rồi đứng trước một cái xuồng. Sa-Mân và Mô-di-Sơn cũng bắt trước tôi. Ban ngày hôm ấy cái tin kia mới chỉ có mấy người biết mà nay đã lan ra khắp cả tàu, nhiều hành khách đã ngủ yên rồi đều thừе dậу cả.

Đến khi sáng rõ các boong tàu đều chật ních cả, chông ai cũng có dáng sợ hãi cả. Hầu hết đều bắt trước lão Vi đều mang một cái thất lưng nổi. Tàu chạy thêm lên được giờ nào thời hình như cái giờ quả bom nổ lại càng gần đến. Chắc những quân ác nghiệp nào để quả bom đó cũng tính làm sao cho đương đi giữa đường thì nổ chớ chẳng sai. Quan chúa tàu đứng trên sân tàu cố dăng dãi cho mọi người biết rằng cái tin đó cũng chưa lấy gì làm chắc, các hành khách hãy cứ yên tâm. Nhưng họ vẫn làm ầm ầm lên, ông không sao nói được, ông tức khắс bắt ba người hò hét to nhất hạ ngục. Cách hành động quả quyết đó mới làm cho tàu có chậт tự được một ít.

Đến bữa cơm sáng chỉ có mấy chúng tôi vào buồng ăn thôi. Nhà bếp chắc cũng nôn nao như hành khách nên chỉ cơm nước cũng không ra sao lại thêm nổi lo sợ thành bữa cơm đó chẳng ngon miệng chút nào, song chỉ có lão Vi là vẫn chén rữ, không kém đi miếng nào, lão nói vì lo sợ quá mà thành đói. Tuy thế lão vẫn không ngồi yên được lúc nào, trong bữa ăn đến mười lần lão phải đứng giậy, hình như gần đến giờ tàu đắm vậy. Cùng ngồi ăn với chúng tôi có cả anh chàng mặt dầy những sẹo chẳng. Nhân thấy câu chuyện soay về quả bom mấy lần anh ta chực tán chuyện với chúng tôi, anh ta tự xưng là Gát-bi Man làm cho một sở cơ khí ở Tô-long-Tô. Xem ra thời chàng Sa-Mân không ưa anh ta ra mặt, chàng giả nhời có giọng khinh khỉnh, làm cho anh ta lại phải im. Khi cơm nước xong quan chúa tàu cho đòi chúng tôi vào phòng ông để soát giấy căn cước từng người một, vì ông nghĩ thế thì may ấу tìm thấy được tên thám tử đức và nơi giấu quả bom chẳng.

Khi ra ngoài Sa-Mân hỏi tôi rằng: ông có biết tên thám tử đức là gì không? không à? quan Trung-úу Mô vừa nói tên nó là Phan-Bôn...

Tôi vội hỏi :

— Gì, Phan-Bôn à ? tên thủ phạm hủy phá tàu Hoa thịnh đồn ấy à ? Nhưng nó chết rồi kia mà ? người ta đã tìm thấy xác nó trong đồng tường đồ rồi mà ?

— Đó chắc là xác một tên từng đảng nó đấy thôi. Phan chôn được mà chính nó giấu quả bom trên tàu này đấy.

— Thế nay có biết tin tức gì của nó không ?

— Không, chỉ biết Phan-Bôn có thiệp vào các mùi phản nghịch ở Hoa-kỳ, nhưng chính Phan-Bôn thời chưa ai biết đích xác nay nó ở đâu cả.

Chúng tôi vừa định lên trên tầng thượng thì gặp Hàm-Mỹ phu nhân. Phu nhân trông có vẻ tự nhiên lắm. Gặp chúng tôi vui vẻ mà bảo rằng :

— Rõ tin đâu may mắn lạ nhường ! Nay các ông ạ, mẹ Sa-tô-Ni vừa mới xem cho tôi, bảo tôi thọ 99 tuổi cơ đấy !

Sa-Mân vốn biết phu nhân hay tin đi đoán, hỏi phu nhân rằng :

— Sao lại không chặn hẳn một trăm cơ phu-nhân ? Thế mẹ Sa-tô-Ni là ai ?

— Mẹ là tay tướng số rất rồi. Mẹ theo chồng mẹ đến hàng trận. Mẹ xem tay đoán tài lắm. Nàng Mã-gia-Lê nói mẹ không đoán sai bao giờ. Sa-Mân đùa rằng : Vậy thì hay ! tôi cũng đến để mẹ xem ra sao. — Rồi lại quay lại tôi và Minh-Hà tiểu-thư : Thế nào ? tiểu thư và Trung-úy có đi xem không ?

Lão-Vi cũng : Nào tôi cũng đi xem mới.

Nàng Sa-tô-Ni bấy giờ đương ngồi với một đàn con vừa nghịch vừa bần, hết phát đùa này lại cộp đùa kia, Mẹ chồng người bé nhỏ gầy gò, mặt mũi hồng hào đều đặn, cặp mắt chồng cũng hiền và xinh. Khi chúng tôi lại xem, mẹ cũng không lấy gì làm lạ, vì từ sáng đến giờ, chắc cũng đã có nhiều người đến xem. Lão Vi cố tranh để xem trước rồi chia cái bàn tay béo nạm béo nần ra, ngón tay đã ngắn ngắn, lại đeo thêm mấy cái nhẫn coi lỗ quá.

Mẹ San xem cũng chóng, vừa trông qua bàn tay đã kể một thôi giải về tiền vận của Vi và những câu nói dựa có thể dùng cho ai cũng được. Lão Vi vội gạt đi : ơ hay, rõ mẹ này ! Tôi có hỏi mẹ về tiền vận đâu ?

Mụ hãy nói cho tôi biết cái hậu vận tôi ra làm, sao chuyển vượt bể này có được bình yên không? Mụ San có ý không bằng lòng câu nói ấy, cầm lấy tay lão rồi hỏi: Thế cụ năm nay bao nhiêu tuổi?

— Bốn mươi sáu.

— Cái đường thọ mệnh ở tay cụ xem ra vừa đến tuổi, này là hết...

Lão Vi choáng cả người lên sít nữa ngã:

— Nhưng mà, mụ ạ. Chỉ còn mấy ngày nữa thì tôi đúng 47.

Mụ San nói thẳng ngay rằng: Xem cái đường bàn tay cụ, thì cụ chỉ thọ đến bấy nhiêu thôi, cụ không thọ được đến 47 đâu. Lần này cụ vượt bể là lần cuối cùng đấy.

Trông hình giáng lão Vi bây giờ cũng đáng thương thực, mà kể ra chúng tôi cũng lấy làm lo, vì lão mà chết, chúng tôi tất cũng không được. Lão lúc đó nằm lăn lên trên đồng thưng, khóc nức khóc nở.

Tôi quay lại chàng Sa Mân: Nào bây giờ đến lần ông.

Chàng đáp: Bây giờ tôi không thích xem nữa; tính tôi không hay tin dị đoan, nhưng nếu những nhời mụ nói mà đúng cả, nghe nhời mụ đoán lại càng thêm khổ tâm thôi. Lần vượt bể này hẳn có là lần cuối cùng của tôi đi nữa, tôi cũng cố dầu lòng đợi đến lúc cuối cùng may ra có thoát nạn được chăng.

Tôi cũng cho thế là phải mà không xem nữa. Nhưng nàng Minh hà đã thấy chia cái bàn tay ngà ngọc ra cho mụ xem. Trong khi mụ ngắm đi ngắm lại bàn tay của tiểu-thư, tôi rất lấy làm áy náy, vì tính mệnh nàng có điều gì đi nữa thì tôi cũng không sao yên được, mụ bỗng có vẻ vui mừng, rồi nói:

— Bản mệnh tiểu-thư vững lắm, tuy có gặp đại nạn nhưng cũng chẳng can chi.

Im đi một tí mụ lại nói tiếp theo:

Số tiểu-thư lại được kết duyên với một người đương yêu mến tiểu-thư. Khi mụ nói xong câu ấy nàng quay nhìn tôi; tôi bấy giờ siết bao mừng rỡ mà xem ý nàng thì cũng như tôi. Lúc đó chúng tôi tưởng hình như ở trong một giấc mộng vậy. Nàng cho mụ năm đồng bạc rồi cùng đi với tôi lên

trên boong. Tôi xường quá quên cả truyện quả bom, quên cả Sa-Mân, quên cả lão Vi dương sụt sùi khóc mếu.

Khi đi qua gần buồng máy trước một cái cửa mở xuống khoang, Sa-Mân vội kéo tôi lại : dưới khoang quả có một người đang đi lên, Sa-Mân ghé vào tai tôi sẽ bảo rằng : Trung-ủy có trông thấy Cát-bỉ-Man đấy không ? Nó xuống khoang để làm gì ?

Tôi chợt nghĩ ra một việc, thì Sa-Mân lại sẽ bảo tôi rằng : ừ, không biết nó xuống khoang tàu làm cái gì ? đã có lệnh cấm xuống khoang cơ mà.

Tôi vội hỏi : Vậy ông cũng ngờ cho.

— Chả còn ngờ gì cả ; bây giờ chỉ có việc đi báo Trung-ủy Mỗ biết thôi. Chắc ông còn nhớ không ai biết lai lịch tên Phan Bôn ra làm sao, nhưng Trung-ủy tưởng những quân Đức nó có hèn gì mà chả kiếm được một cái giấy căn cước giả.

* * *

Tàu chạy dòng đã hai ngày hai đêm tỉnh không xảy ra việc chi lạ cả, còn quả bom thời tìm tôi khắp cả khoang tàu cũng không thấy đâu. Cái tình mệnh chúng tôi rất là nguy hiểm mà cái nguy hiểm ấy mỗi ngày một thêm lên ; trong trí chúng tôi cứ tưởng chỉ trong giây phút thì chiếc tàu Lý-thuận-An sẽ vỡ tan tành ra từng mảnh.

Bấy giờ tàu cũng gần gần đến bến, các hành khách cũng hơi yên yên, tuy rằng hải còn trong vòng nguy hiểm song cũng nhiều người đoán rằng : cái nạn có nhẽ không xảy ra được nữa, mấy quả bom chắc đã liệt rồi, quan chúa tàu và các viên quan võ lại đoán già rằng : đó chỉ là cái tin đồn nhảm của quân Đức làm cho ta sợ hãi đó thôi, tuy vậy cũng còn nhiều người không chịu sống dưới boong, đành cứ ngủ ở trên, rét mướt cũng cố chịu.

Tàu bấy giờ vào đến cỏi nguy hiểm thường thường có tàu ngầm Đức đi lại. Ngay tối hôm ấy chúng tôi được lệnh phải tắt hết cả đèn đi.

Đến năm giờ chiều xảy ra một việc làm cho cả tàu lại nao nao sợ hãi cái việc xảy ra ấy, tuy bấy giờ không có can hệ gì thật song, sau này tuột có quan hệ đến chiếc tàu

Lý-thuận-An và tinh mạnh các hành khách vậy. Tàu bấy giờ còn cách bờ bể nước Anh độ vài trăm dặm nữa, bỗng thấy kêu đánh sầm một cái rồi các máy móc đứng dừng cả lại. Tức thì tiếng kêu khóc ầm ầm cả lên, hành khách chạy ở cả lên trên boong có vài cái suồng đã thả được xuống bể. Tàu còn đã không dừng ngay lại được. Bấy giờ người tài sẽ gọi ống nói lên trên quan chúa tàu rồi quan chúa tàu ra nói với hành khách mấy câu, lại thấy đầu về đấy. Thì ra máy tàu có hỏng soàng một tí thôi, có mấy cái đinh ở cái chục quay chân vịt bị gãy.

Việc mới xảy ra đó cũng không hại gì mấy, tàu lại chạy được nhưng cũng không được nhanh như trước. Đến chiều ngày hôm thứ sáu thì tàu đã chạy ngang gần mũi bể Langan. Nếu không có xảy ra sự gì ngăn trở thì chỉ chiều hôm sau là chúng tôi tới Li-vê-bôn.

Lúc bấy giờ trên tàu đã thấy yên yên, có nhẽ máy quả bom liệt mà cũng có nhẽ không có quả bom nào ở trên tàu. Chúng tôi lại đánh bài vui vẻ như thường, Sa-Mân lại giở những dụng khôi hài ra làm cho Mỗ-di-Sơn cũng tươi tỉnh lên được một chút. Còn lão Vi thì không thấy đầu cả, giá lão có ở đó tất chúng tôi cũng phải kém vui đi. Cả buổi chiều không thấy lão đầu cả có nhẽ mấy hôm thức luôn, nay lão ngủ quay ra trên boong rồi. Vào khoảng nửa đêm thì chúng tôi mảy ở phòng hút thuốc ra. Mỗ-di-Sơn và Hà công-tử thì về phòng đi nghỉ còn Sa-Mân thì rủ tôi lên sân hút thuốc. Trên tàu đều im ắng cả, đèn lửa đều tắt hết vì sợ tàu ngầm Đức trông thấy. Chúng tôi đều tựa vào lan can đứng hút thuốc. Sa-Mân bảo tôi rằng: Nay Trung-úy, thế là nay ta thoát nạn rồi đấy nhỉ?

Tôi đáp: ông đã chắc à?

— Tôi cũng còn mong được như vậy thôi, nhưng cứ đáng lý ra thì độ hai giờ sáng là ta tới Li-vê-Bôn, còn từ giờ đến hai giờ thì cũng không biết thế nào mà nói trước được, cũng còn phải tùy cái máy quả bom nữa.

Tôi nói: Bấy giờ cũng gần một giờ rồi.

— Vâng, chắc chúng ta chánh khỏi được cái nạn ấy.

Này trung-ủy a, giá tôi như trung-ủy Mỗ là tôi tóm cổ thằng Cát-bi-Man đã. Ai thấy tôi nghi tên ấy cũng có ý cười tôi, hình như họ không ai nghi ngờ gì nó vậy, và...

Tôi vội sẽ bảo chàng: Im im!

Tôi thoáng trông có bóng một người đứng dựa vào hàng lan-can gần đấy, mà trông rõ ra Cát-bi-Man. Sa-Mân nhìn chòng chọc một lúc, vừa toan gọi thì thoáng lại thấy cái bóng ấy biến đi, rồi chúng tôi nghe rõ tiếng chân người đi xuống thang cầu... Sa-Mân lại nói: Tuy rằng chưa có chứng cứ gì chắc song tên ấy thực đáng ngờ, cái đáng điệu đã không được thực thà đến cái tên đặt cũng ra người Đức lắm, nhất là hôm tôi gặp nó ở dưới khoang đi lên..... Nhưng thôi, hễ đến hai giờ mà không có việc gì xảy ra là chúng ta ngủ yên được. Chúng tôi đều đứng im cả. Tôi xin thú thực rằng cả chuyến tàu không lúc nào tôi nóng ruột bằng lúc ấy, trong lòng cứ canh cánh nghĩ đến Minh-hà tiểu-thư, tiểu-thư là người can đảm lạ có nhẽ chỉ có tiểu-thư là không lo sợ gì và đương mơ màng giấc điệp mà thôi. Tôi chỉ chăm chăm đợi lúc quả bom nổ, đếm từng phút một cho tới lúc chuông đồng hồ tàu đánh hai tiếng. Bảy giờ tôi thích quá đập vào vai Sa-Mân bảo rằng: Này hai giờ rồi đấy, ta chả còn sợ gì nữa nhỉ?

Chàng không đáp lại, đương cúi xuống nhìn cái gì trong số tối, ngay dưới chỗ chúng tôi đứng.

— Ông nhìn chi thế?

— Im im, trung-ủy thử nghe xem....

Chỗ Sa-Mân chỉ cho tôi quả có tiếng cái dòng-dọc kêu kút-kit, rồi có tiếng một vật gì nặng rơi tòm xuống bể và tiếng sóng vỗ bì-bạch vào sườn tàu. Sa-Mân sẽ kêu lên một tiếng rồi chạy vụt xuống tầng dưới. Tôi cũng chạy theo trong bụng rất lấy làm kinh nghi.

Chỉ thoáng một cái chúng tôi đã đến trên một cái cửa sổ tàu. Trong đám bề-bộn những đồ sắp sẵn phòng khi tàu đắm không có vật chi lạ cả. Hai cái cần cheo xuống chơ ra dơ mà xuống chiều còn đó bây giờ cũng không thấy đâu. Ngoài tiếng sóng vỗ bì-bạch vào sườn tàu, không có tiếng gì lạ cả. Giờ thì tối đen như mực. Chúng tôi còn đang lưỡng lự chợt

nghe có tiếng người ở dưới bể gọi lên, rồi có tiếng một người len lén đi vào sau mấy cái thùng rượu. Sa-Mân cất tiếng gọi, chúng tôi lấy làm phân vân quá. Chợt thấy bóng sáng lóe lên ở đằng sau chúng tôi, soi thẳng vào đồng thùng rượu và hàng lan can. Chúng tôi trông rõ một người đang chực leo một chiếc thang thừng xuống. Người đó quay lưng lại thành thử không rõ mặt. Ánh sáng vừa lóe lên thì tiếp luôn một tiếng súng nổ. Người đang leo thang ngã quay ra trên một đồng thừng. Chúng tôi kinh ngạc quá quay lại thì thấy Cát-bi-Man đứng đằng sau tôi, một tay cầm đèn lò diện, một tay cầm súng lục, thì ra chính hắn vừa bắn xong.

Sa-Mân toan nhẩy vào thộp lấy ngực hắn, quát lên rằng :

— Đồ khốn ! Mi có biết mi vừa làm chi đó không ?

Cát sẽ so vai, giả nhời một cách điềm đạm rằng :

— Đừng yên đó cậu ! Việc của tôi, tôi làm, không việc gì đến cậu. Tôi không phải là Cát-bi-Man mà chính là Phi-sĩ-Tốc thanh tra sở cảnh sát thành Nữ Ước đây.

Phi không nói gì với chúng tôi nữa, chạy ra hàng lan can, chiếu đèn xuống chiếc xuống buộc bên tàu. Trong xuống có một tên mạch lò đang sắp tháo giày buộc ra. Phi chìa súng ra quát to lên rằng :

— Muốn sống thôi ngay ! Công việc của mi không thành rồi ! Lên ngay trên tàu lập tức. Nếu không tao cho một phát bỏ đời bây giờ !

Tên mạch lò vội vàng leo ngay lên trên tàu.

Khi bấy giờ vì tiếng súng nổ cả tàu lại nhao nhao lên chạy ứa cả lại xem việc chi, đi đầu có Trung-ủy Mô và các thủy thủ. Vì sợ có tàu ngầm Đức trông thấy, Phi-sĩ-Tốc đã tắt đèn đi, rồi nói với quan Trung-ủy Mô rằng có người thông đồng với một tên mạch lò định bỏ tàu chốn đi. Tên mạch lò bấy giờ cũng đã lên đến trên tàu rồi có vẻ sợ hãi lắm.

Còn người bị bắn thì chừng bị thương nặng, nằm lả trên một vũng máu, không cựa quậy gì. Tức thì khiêng hắn vào phòng hút thuốc, chúng tôi cũng được theo vào đều có mặt trước tấn thăm kịch đó ! Khi đã đem người bị thương vào chỗ sáng, ai cũng đều kêu lên :

— Kia lão Vi-li-Am !

Lão bấy giờ ngất hẳn đi mặt tái mét như gà cắt tiết. Tuy Trung-ủy Mô đã đổ cho mấy giọt rượu mạnh song lão cũng chưa hồi lại được. Viên đạn đi xuyên qua trái thận và sườn rồi lọt ra đằng trước. Viên thầy thuốc trên tàu đến buộc, nói rằng vết thương đó nặng lắm. Trong khi đó thì quan chúa tàu tra hỏi tên mạch lô. Nó người ở xứ Gan (Galles) trạc độ 20 tuổi, mặt sáng sủa có dáng thật thà, hỏi câu nào giả nhời câu ấy, không có ý dấu diếm tí gì. Nó nói rằng : ông ấy (chỉ lão Vi) tìm tôi chiều hôm qua, ông ấy nói vì tàu sắp đắm, không sao chịu được những nỗi lo sợ. Nay tàu đã chạy gần bờ, nên ông ấy cho tôi một món tiền khá to để lấy một cái suồng chở ông ấy vào trước.

Lời khai ấy không có điều gì gian trá cả. Thì ra lão Vi chỉ vì sợ tàu đắm nên muốn chôn mà không may lúc chôn lại bị viên thanh-tra biết.

Quan chúa tàu nói với viên thanh-tra rằng : ông Sĩ Tốc ơi, ông vội vàng quá nên bắn nhầm rồi. Song cũng không sao, đó là lỗi tại lão.

Sa Mân nói mát rằng : Cái tay ông không may mắn quá, ông định săn một con chó sói thành lại bắn phải con thỏ còm !

Sĩ Tốc thấy mình nhầm đã không bằng lòng, nghe câu nói của Sa Mân lại càng tức.

Những việc vừa xảy ra đêm hôm ấy và những nỗi lo sợ mấy ngày hôm trước làm cho tôi nhọc nhối ra, vội vàng chạy lên phòng ngủ một giấc như chết, mãi lúc chàng Sa Mân vào gọi tôi mới dậy.

Sa Mân nói : này Trung-ủy bấy giờ đã 10 giờ rồi mà còn ngủ à ? ngủ có ngon giấc không ? Ta nay mới thật là thoát nạn, cái quả bom đó chỉ là câu phao ngôn của quân Đức, kết cục chỉ hại được một mình lão Vi thôi. Vết thương tuy nặng nhưng may lão cũng qua khỏi được ấy. Minh Hà vừa nói thế đấy nhời mụ San-tô-Ni thế là hiệu.

-- Minh-Hà tiểu-thư ấy à ?

-- Phải tiểu-thư đang ngồi ngay bên đường trông nom cho lão. Thôi cụ Đại, rước cụ giây cho. Ngoài hàng trận chừng cụ cũng ngủ kĩ thế thì phải. Giời trông đẹp lắm, chắc ngày hôm nay dễ chịu lắm đây.

Tôi vội vàng mặc áo rồi lên trên boong. Gió quả đẹp dễ thật. Gió bầy bầy thổi mát mẻ lạ thường, xa xa đã trông rõ bờ bể xứ Gan, song tôi cũng không tưởng gì đến cái cảnh đẹp lúc bấy giờ, trong trí chỉ có Minh Hà mà thôi. Vậy tôi giảo bước đi về phía phòng thuốc để được trông thấy tiểu-thư. Khi vào tới nơi tiểu-thư vội ra hiệu cho tôi chớ nói gì: lão Vi mệt đương nằm nghỉ. Tôi đứng nhìn lão, mặt mũi khi trước đỏ dẫn đầy đà, nay thời nhợt nhạt gần gieo, trông kinh lên được. Dẫu những khi lão sợ hãi cũng chưa bao giờ có cái nét mặt kinh dị như thế. Hai tay run lên lẩy bẩy, môi thời lắp bắp hình như muốn nói câu gì. Lão bỗng nhiên ngồi hẳn giậy, cố gọi lên rằng: — Minh-Nga! Minh-Nga con ơi!

Minh-Kim đưa mắt nhìn tôi và sẽ đẩy tôi sau bức màn cửa: Lão gọi tôi đây. Lão hẳn tưởng tôi là con gái lão. — Minh-Nga con ơi, con có đây không? mấy giờ rồi hở con?

Nàng Minh-Hà sẽ nói: Xin cụ cứ nằm yên, không lại mệt thêm lên đấy.

Nhưng lão cứ hỏi gặng mãi rằng: Bấy giờ là mấy giờ rồi, ta muốn biết bây giờ là mấy giờ rồi.

— Xin cụ cứ nằm yên, bây giờ 11 giờ rồi.

— Mười một giờ, con vừa nói bây giờ 11 giờ rồi à? Thế hôm nay là thứ mấy?

— Là thứ bảy; chiều hôm nay thì đến Li-vê-Bôn, thế là ta hết lo.

— Hết lo à? con bảo ta hết lo à? Không có cái gì cứu được ta bây giờ nữa. Mụ San-tò-Ni hại ta rồi. Nhưng con thì còn phải tìm kế thoát thân đi, lại gần đây cha giận.

Trông lão mà thương hại, vừa nói vừa thở giốc lên, nói được một tiếng là nấc lên một cái, mặt thời chan chứa những mồ hôi. Tôi cố đứng nép vào sau bức màn xem ra làm sao, trông lão bấy giờ khác hẳn đi, không giống lúc trước tí nào. Cái mặt giả kia đã rơi ra rồi. Đây là một người khác trước mặt tôi.

Lão Vi lại nói, cái giọng kỳ quá;

— Bây giờ là 11 giờ, thứ bảy, 11 giờ. Còn nửa giờ nữa thì quả bom nổ. Đúng 11 giờ, còn một giờ nữa, cha bảo

thật đó, không nói dối con đâu, con ạ. Con không tin cha sao? Khốn nạn, quả bom ngay dưới cái bệnh viện này ấy mà ở trong khoang tàu ấy, trong tấn hàng số 233...

Tôi không bao giờ quên được cái con mắt tiểu-thư nhìn tôi lúc đó.

Tôi sẽ nói: Để lão nói mẹ hân.

Tiểu-thư hơi nghiêng đầu, có ý nói: biết đâu đấy. rồi lại ra hiệu đừng nói chi nữa. Lão Vi lại nói luôn:

— Ai nói chi đấy, hử con, có ai nói chi đấy. Có ai nấp ở đấy thế? Phải cẩn thận đấy con nhà. Chỗ nào cũng có quân mật thám cả đấy, con ạ. Không có ai à? Con nói không có ai à? Chắc thế à? Được, vậy nghe cha dặn nhá: Con phải chôn đi mấy được. Bạc cha để ở trong túi ấy, con lấv lấv, có tiền thì làm gì cũng được. Con liệu mà chằm trướcvới một tên thủy thủ nào đấy. Còn có một giờ nữa thôi; con về nhà, về nước nhà ấy, con phải tìm đến tận chỗ Hoàng-Đế ta ngự, tàu thay cha rằng: cha là Phan-Bôn đã tận tâm báo quốc nhá...

Nói đến đó, lão ngã ngửa ra: máu đã giàn hai bên mép, lão hân còn cố nói: Đến đúng 12 giờ, ... Tấn hàng số 233.

Minh Hà lên giục tôi: Đi báo ngay với quan chúa tàu đi.

Giờ cũng không cần phải kể rõ cái đoạn cuối chuyện này nữa. Các báo ngoại quốc đều có nói kỹ lưỡng cả rồi. Cũng không cần phải nói lúc nghe tên Phan-Bôn giận lại con gái hân, tôi sợ hãi là nhường nào. Tôi cầm đầu chạy một mạch như thẳng điên lên báo quan chúa tàu. Ngài liền cho soát trong khoang tàu thì tìm thấy một kiện bông số 233, rồi vớt ngay xuống bể. Vài phút sau, tàu vừa đi được một ít thì ngay chỗ vớt kiện hàng xuống có một tiếng nổ kinh thiên động địa, nước bể tóe lên rất cao như là có một cái hỏa diệm-sơn ở dưới bể phun lên vậy.

Bấy giờ cả mọi người đều chạy lại bệnh viện lôi xác Phan-Bôn ra treo lên trên cột buồm.

Về sau nhiều người tìm đoán xem cái ý định của Phan-Bôn ra làm sao, nhờ đoán đúng hơn cả là nhờ đoán trong tờ trình của viên thanh-tra Phi-Sĩ-Tốc: Phan-Bôn đã vận

máy quả bom định cho khi tàu vừa đến Li về Bôn được vài giờ thì nổ, vì thế thì không những tàu Lý-thuận-An bị vỡ mà các tàu ở chung quanh cũng bị hại lây, bến tàu vì thế cũng bị tắc. Nhưng vì tàu liệt máy chạy chậm thành anh ta lại tính sai, quả bom nổ trước khi tàu đến bến mà Phan-Bôn sẽ cũng bị hại. Vì thế Bôn mới tìm cách trốn, nhưng mưu bị bại lộ, đương khi trốn thì bị bắn rồi khiêng vào bệnh viện ở ngay trên chỗ giấu quả bom. Biết rằng không lánh khỏi, Phan cũng không giả giảng sợ hãi như trước nữa, định để cho tàu nổ rồi cùng chết theo với các hành khách. May lại có Minh-Hà tiểu-thư giống như con gái lão ở đó mà Phan trong lúc mê man cứ nhận nhầm là con gái mình, nên mới không việc gì.

Kề giống thì cũng giống thường vậy thôi, giống ở trong cái tri tưởng tượng của tên già man đó thôi. Cái đẹp của Minh Hà có đâu lại giống cái đẹp của một người con gái Đức được. Cho rằng tiểu-thư cũng đẹp như một người con gái Đức hay tưởng tiểu-thư cũng có chút huyết mạch người Đức thực là đặc tội với tiểu-thư lắm.

Khi tàu đến bến Li về Bôn, tôi đứng cạnh tiểu-thư với vài người nữa. Hàm-Mĩ phu-nhân chỉ mục Sa-tô-Ni rồi quay lại bảo chúng tôi rằng :

— Các ngài xem mục đoán ra thế nào ? tôi có sống được đến 99 tuổi không ? tôi nói : thưa phu-nhân, còn tôi thì bây giờ tôi có chắc lấy được người tôi vẫn yêu dấu xưa nay không ? Khi đang nói thì tiểu-thư đưa mắt lườm tôi tỏ ra bao nhiêu ý tứ nồng nàn, làm cho tôi mê muội cả tâm thần suýt nữa ngã ra.

Sa-Mân cũng góp : phải mục nói đúng, nhưng chưa được đúng lắm. Mục không đoán được rằng Phan-Bôn vượt bể lần này là lần cuối cùng mà lại còn phải treo cổ lên cột buồm nữa.

S. B. dịch thuật

CHUNG

ĐOÀN-THIÊN-TIÊU THUYẾT

Dịch Truyện Tàu.

MÂY NHỜI NÓI ĐẦU CỦA DỊCH-GIẢ

Đàn cũng là một nghề mỹ thuật có di dưỡng cho tinh
tinh cho phong tục, có quan hệ cho xã hội cho quốc gia,
phong tục hậu hay bạc, xã hội thịnh hay suy cũng có ảnh
hưởng đến cung đàn rộng hát.

Ngày xưa đức Khổng Phu-Tử chưa đến hẳn nước Trịnh,
mới nghe tiếng đàn của người nước Trịnh đã biết ngay
rằng nước Trịnh có dám phong; Ông Hạng-Vương bị vây
ở thành Cai, lúc đương quân bách còn quyến luyến về
tinh mà ngu-cơ gây cung đàn cất tiếng hát sui tấm lòng
ông sinh ra cảm khái hùng hồn coi giang sơn lâm trọng,
tinh nhi nữ xem khinh, thế mới biết âm nhạc tuy êm dềm
thánh thót mà người nghe cũng phải tựa gối cúi đầu
cũng phải vò chín khúc chau dòi mây cho đến nổi lăn
lóc đá mê mẩn đời được.

Dịch giả dịch sau đây một truyện người biết gây đàn
cùng người biết nghe đàn, tri âm gặp gỡ, bình thủy tương
phùng, mong rằng xã hội ta âm nhạc một ngày thêm thịnh
sẽ có nhiều bậc vịnh cầm, thời lo chi không có kẻ thính cầm

BÁ-NHA ĐÁP ĐÀN TẠ TRI ÂM

Đời xuân-Thu chiến quốc có một người danh sĩ họ Du
tên Thụy tự là Bá-Nha nguyên là người dò Sinh nước Sở
nhưng làm quan Thượng-Đại-Phu nước Tấn, nhân vàng
mệnh vua đem siab-lễ sang nước Sở, khi tới dò Sinh nước Sở
dem đồ lễ vào triều kiến. Sở Vương thu nhận lễ vật rồi
thiết yến khoản đãi, yến ẩm song lui về Sứ quán.

Nguyên dò Sinh là nơi quê cha đất tổ, tấm lòng hằng
tưởng chút tình cố quốc tha hương, giờ đã thỏa tấm lòng khát
vọng muốn dậm tử phần, vội vàng sắm sửa lễ nghi ra đồng
tảo mộ, rồi về thăm họ hàng thân thích, cố hữu thân
bằng; niềm vì quân mạnh tại thân, ở lâu không tiện, mới
vào từ tạ Sở Vương xin về phúc mạnh. Sở Vương hậu tặng
cho náo vàng bạc, náo gấm vóc rồi truyền cho bá quan
tiễn biệt; đi đường bộ được vài ngày đường sá sa sỏi

quan sơn hiểm chỗ, bá quan mới sức đem thuyền thuận đường thủy đạo, rồi bá quan cùng với Bá-Nha từ giả.

Nguyên Bá-Nha là người phong lưu tài tử, chút thân lữ khách cùng với chiếc thuyền, lênh đênh mặt nước, chung quanh toàn là nước biếc non xanh, chim kêu vượn hót cảnh vật của hóa công như thêu như vẽ như điểm như tô, hình như những thú của cao xanh, dành phần cho mặc khách.

Một hôm thuyền tới bến Hán-Dương vào rữa tết Trung-Thu, tối hôm đó chiều giời mát mẻ, cảnh tượng êm đềm, trắng sáng như gương đỉnh núi lồng đầy nước, gió thu hây hây khiến cho ai chan chứa cảm tình ; Bá-Nha mới bảo Đồng-tử đốt lò hương rồi se tơ lụa phiếm, tay dạo cung đàn, như gió táp như mưa sa như mây bay như nước chảy, gảy chưa hết bài, dây đàn bỗng đứt ; Bá-Nha ngạc nhiên gọi đồng-tử và từng nhân bảo lên trên núi có thấy ai nấp nghe không ? từng nhân vâng mệnh lên núi thời chợt thấy có người dương nghe trộm và nói rằng, các anh về thăm lại với chủ các anh rằng ngài cứ việc gảy tự nhiên, tôi nhân đi kiểm củi về nghe thấy tiếng đàn của ngài nhã nhặn nên lắng nghe đấy thôi. Từng nhân về thuật lại, Bá-Nha lấy làm buồn cười mà nói rằng : Này anh tiểu-phu kia ơi, anh cũng biết nói hai tiếng « nghe đàn » à ? Tôi không ngờ rằng anh lại mơ hồ đến thế, thôi đi, đi. Tiểu-phu tức mình cất tiếng to mà thưa rằng : Ngài nói sai rồi, ngài lại không nhớ trong một khu đất độ mười nóc nhà lại không có được một người trung tín hay sao, trong nhà đã có người quân-tử thời tất cũng có người quân-tử ở sai tìm đến, ngài lại khinh thị ở chốn làm tuyền lại không có người biết nghe đàn à ; đêm khuya canh tàn ở chốn sơn lâm lại không có người gảy đàn hay sao. Bá-Nha nghe nhời ấy tiếng nói không phải là người vừa vội vàng chạy ra mũi thuyền hỏi rằng ; Này ông quân-tử ở chốn sơn lâm nghe đàn kia ơi chắc là ông cũng nghe thấu tiếng đàn, vậy thời vừa rồi tôi gảy khúc gì ? Tiểu-phu đáp, vừa rồi ngài gảy khúc « Đức-Khổng-Phu-Tử khóc ông Nhan Hối mất chứ gì, tiếng đàn nghe như có những câu :

Tiểu thay số mệnh nhan-hối,

Khiến cho ai những ngậm ngùi nhớ thương .

Cơm đưa vui thú quê hương,

Đến đây thời đàn dứt nhưng tiểu-tử xin đọc nốt ngài nghe :

Tiếng thom hiên chiết làm gương cho đời.

Bá-Nha nghe song lấy làm mừng quá vội vàng sai từng nhân lên mời xuống thuyền. Lũ từng nhân lên thời quả nhiên là anh đồn củi, đầu đội nón rách, mình mặc áo tơi, tay mang cái đòn càn lưng dắt con dao ngắn, chân đi đôi hài sảo, từng nhân mới bảo anh tiểu rằng : Quan Lớn tôi mời anh xuống thuyền nói truyện ; Tiểu-phu nghe nói để gánh củi xuống rồi bước xuống thuyền, nghiêng mình thi lễ ; Bá-Nha dơ tay đáp, bảo đồng-tử chạy ra mời ngồi ở bên thuyền, Tiểu-phu không khiếm nhường cứ diềm nhiên ngồi xuống. Bá-Nha nói : anh đã biết nghe đàn, có lẽ anh cũng biết ai sinh ra đàn chứ gì ? Tiểu-phu đáp : Ngài đã hỏi tới tiểu-tử xin thưa : Tiểu tử nghe như đầu đời vua Phục-Hy thấy tỉnh năm ngôi sao dơi xuống cây ngô đồng mà chim phụng-hoàng lại đậu, vả lại chim phụng là vua các loài diều, không phải trúc non không ăn, không phải suối ngọt không uống, không phải cây ngô đồng không đậu, bởi thế vua Phục-Hy mới biết gỗ cây ngô đồng là thứ gỗ rất quý, muốn làm ra đàn mới sai người hạ cây ngô đồng xuống, cưa ra ba đoạn, chia làm thiên, địa, nhân là tam tài, đoạn trên thời tiếng nhẹ, quá than ; đoạn dưới thời tiếng nặng, quá trọc, duy chỉ có đoạn giữa thời tiếng êm dềm và dịu dàng mới đem ngâm xuống nước 72 ngày, trọn được ngày tốt gọi người thợ rất khéo tên là Lưu-Tử-Kỳ làm cái đàn, làm song gảy cái đàn ấy thời tiếng nghe ra đầm ấm êm dềm như ở trên cung Dao-Tri, cho nên đặt tên là Dao-Cầm, đàn dài ba thước sáu tấc một phân, chia làm 361 bậc, mặt trước rộng 8 tấc, án bát tiết, mặt sau rộng 4 tấc, án tứ thời, bề dày 2 tấc án lưỡng nghi, có 12 bậc nhỏ án 12 tháng, lại có một bậc nhỏ ở giữa, án tháng nhuận, trên 5 cái dây đàn án ngũ hành, trong thời án ngũ âm. Vua Thuấn gảy đàn ngũ-huyền, hát khúc Nam-Phong mà thiên hạ thịnh trị, vua Chu-văn-Vương khi ngồi tù Rữu-Lý, con cả là Bá-Ấp-Khảo thêm một dây nữa gảy thời thâm trầm ai oán gọi là Văn-Huyền, kể đến vua Vũ trước ca sau gảy lại thêm một dây nữa, thời tiếng nghe hùng dũng oai nghiêm đời đó gọi là Vũ-Huyền; nguyên trước 5 dây sau lại thêm hai dây nữa

hoặc gọi là Văn Vũ thất-huyền, mà cái đàn thất-huyền ấy có 6 đều ky với 7 đều không nên đàn; Thế nào là 6 đều ky? 1° ky rét lắm. 2° ky nặng to, 3° ky gió lớn, 4° ky mưa to, 5° ky tiếng sấm, 6° ky tuyết sa. Còn 7 đều không nên đàn là: 1° nghe thấy tiếng tang khóc, 2° Trong bụng đương phân vân, 3° đương xét đoán đều gì, 4° Thân không được tỉnh, 5° khăn áo không chỉnh tề, 6° không đốt hương, 7° không gặp được tri âm; nếu phạm một đều trong bảy đều ấy cũng không nên gảy. Còn tám đều tuyệt là: thanh, kỳ, u, nhĩ, bi, chàng, du, chưởng, cái đàn này mà gảy hay ra, thời cộp nghe thấy cũng không dám găm, vượn không dám hót, thế mới biết cái hay của âm nhạc, Bá-Nha nghe song lấy làm cung kính mà nói rằng: Túc hạ đã biết những đức tính của âm nhạc thế thời khi đức Khổng Pau-Tử đương gảy đàn ở trong nhà mà thầy Nhan-Hồi ở ngoài vào nghe thấy tiếng đàn u trầm ngỡ là đức Phu-Tử có ý tham sát lấy làm lạ mới hỏi; đức Phu-Tử đáp: ta vừa mang đàn ra gảy chợt trông thấy con mèo đuổi con chuột ta muốn cho mèo kia bắt được chuột cho nên ý lộ ra đàn; còn bây giờ hạ quan gảy đàn trong bụng hẳn cũng nghĩ đều gì, thời túc hạ có thể nghe tiếng đàn mà biết được chăng? Tiểu-Pau nói: cúi xin ngài thử gảy để tiểu-tử đoán xem, nếu đoán sai cũng cúi xin ngài xá tội cho. Bá-Nha ôm đàn rồi gảy tri ở cao sơn, Tiểu-Phu đoán rằng: phảng phất thấy tri tại cao sơn. Bá-Nha ngừng dây một lát rồi lại gảy tri ở lưu thủy; Tiểu-Phu lại đoán rằng: mộng mệnh thay tri ở Lưu Thủy. Bá-Nha rõ người này biết cả tâm sự mình, rồi để đàn xuống coi như vị quý khách, sai đồng-tử pha trà, rồi lại lấy rượu ra uống và hỏi rằng, chả hay Tiên-Sinh tên tuổi là gì và ở đâu? Tiểu-Phu đáp: Tiểu-Tử họ Trang tên Vi tự là Tử-Kỳ, nhà ở Thôn Tập-Hiền, núi Mã-Yên cúi xin hỏi lại ngài tôn tính là gì, và di vinh nhậm nơi nào? Bá-Nha đáp: Hạ quan tên là Du-Thụy tự là Bá-Nha làm quan Triều nhà Tấn nhân vâng mệnh mang sinh lễ sang nước Sở về; Thưa Tiên sinh hạ quan là kẻ vị tài còn được đội ân vua, ăn lộc nước, hưởng chi như Tiên-sinh bão phú tài to, cơ sao không đi lập công danh, gửi thân nơi lang miếu, để danh ghi chức bạch, tên

chép sử xanh sao cứ ần nường nơi sơn dã, sau này tên kia cũng với cỏ cây cùng mục nát đi mất, thiết tưởng Tiên-sinh không nên như thế. Tử-Kỳ nói : Bẩm Đại quan, tiểu-tử trên còn có bố mẹ, dưới lại không có anh em. Tiểu-Tử lấy nghề đốn củi cho qua ngày là hết lòng thờ cha mẹ cho chọn tuổi già, già làm đến trước tam công mà sa cha mẹ lấy một ngày thời Tiểu-Tử cũng không nỡ. Bá Nha nói : Tiên-sinh thực là người tri hiếu ít ai bì kịp ! chẳng hay Tiên Sinh xuân xanh bao nhiêu ? Tử-Kỳ thưa Tiểu-Tử mới 27 tuổi. Bá Nha nói : Hạ-quan thời 70 tuổi nếu mà Tiên-sinh không bỏ kẻ già này thời chúng ta kết làm anh em. Tử-Kỳ nói : Đại-nhân là một ông quan ở Thượng-Quốc, còn tôi là kẻ tiện-tử ở cùng hương, dám đâu có cái hy vọng ấy. Bá-Nha nói Hạ-quan là kẻ phong trần may lại gặp được những bậc cao hiền kết bạn thực là vạn hạnh, còn như dầu sang nghèo hèn có kẻ gì, rồi sai Đồng-Tử lấy chằm bỏ thêm vào lư hương cùng với Tử-Kỳ làm lễ bát-bái. Bá-Nha làm anh, Tử-Kỳ làm em, làm lễ xong rồi lại sai bày rượu cùng uống, khi chén rượu lúc cung đàn, mình tâm quên cả canh tàn, vầng đông ác mọc, trên ngàn trăng lui ; Bọn thủy-thủ sắp sửa kéo cầu, Tử-Kỳ vội vàng từ giả Bá-Nha nói : ngu-huynh tình thâm nặng chiu, muốn cùng hiền đệ đi chơi với ta vài ngày, chẳng hay hiền đệ có thuận chăng ? Tử-Kỳ nói, tiểu đệ không phải là không muốn theo hiền huynh, nhưng song thân ở nhà tuổi cao tác nhơn không dám bỏ mà chơi sa, e xin hiền huynh sét nổi chân tình mà sá đi cho. Bá-Nha nói thế thời em về xin phép tôn đường, cùng với ngu huynh đến Tấn-Dương chơi ít ngày thế là du tất hữu-phương chứ gì. Tử-Kỳ nói : Tiểu-đệ không dám lấy đều tiểu tía mà hứa với hiền huynh, nếu tiểu đệ về xin phép song đường không được, thời khiến cho hiền-huynh lại buồn thêm lên thành ra tiểu đệ lại mắc tội nặng với hiền huynh. Bá-Nha nói em thực là người quân-tử rất thành thực, thời để qua năm anh sẽ đến chơi với em vậy. Tử-Kỳ nói sang năm về độ nào ạ, nhân huynh có thể đi được. Bá-Nha dơ tay lên tính rồi nói, hôm qua là tết Trung-Thu hôm nay là mười sáu, thế thời sang năm có lẽ anh đến trước hai ngày. Tử-Kỳ nói thế thời sang năm ngày nay tiểu đệ sẽ lại chỗ này chờ hiền huynh, nói xong toan

từ già. Bá-Nha nói em hãy đứng lại đây đã rồi sai đồng-tử mở hòm lấy ra hai nén vàng hai tay cầm lấy bảo rằng, đây là chút lễ mọn, gọi là cam chỉ kính dâng nhị vị tôn đường là thí chút niêu biếu thâm tình của kẻ tư văn, thời hiền đệ chớ khà từ nan, Tử-Kỳ không dám khiếm nhượng dơ tay đỡ lấy sụt sùi mà từ biệt rồi bước lên cầu, Bá-Nha đưa ra mũi thuyền, gạt lệ chia tay, cùng nhau tay lại chia tay, vui kia so với sầu này ngồn ngang. Bá-Nha ngồi trên thuyền, ruột tầm đòi đoạn, dạ sầu ngồn ngang, đi được mấy ngày bỏ thuyền lên bộ thẳng tới Tấn-Dương, về triều phục mệnh song rồi, thiếu quang thám thoát đông tới thu qua, xuân đi hạ lại chẳng mấy chốc mà lại tới thu sau. Bá-Nha lòng đương vẫn nhớ tri âm, dạ chạnh tưởng tới tình khế nghị sắp tới tiết Trung-Thu mời vào tàu vua xin phép hồi hương, chỉnh bị hành trang cùng vài tên đồng bộc, lại một con thuyền, chòng chành trên mặt nước, hạn cho thủy thủ nội nhật hôm rằm phải tới bến Hán-Dương, thuận buồm xuôi gió chiều hôm rằm thuyền đã đến bến, thủy thủ vào bẩm bạch Bá-Nha nhận ra quả chỗ cùng với ai năm ngoái cùng đàn địch cùng truyện chèo, trăng cùng chung bóng mà sao nay người lại vắng tanh rồi hồi tưởng năm ngoái ta gầy đàn ở đây mới gặp được tri âm, tối nay ta cũng mang đàn ra gảy thời em ta tắt lại, bảo đồng tử đốt hương mang đàn ra mũi thuyền Bá-Nha cầm đàn vừa gảy, nghe ra tiếng đàn ai oán, Bá-Nha thôi không gảy nữa và nghĩ rằng quái tiếng đàn nghe thê thảm có lẽ em ta bị điều không may, đêm hôm đó nghĩ vơ nghĩ vẩn ngồi đứng không yên, sáng mai sai Đồng tử mang đàn cùng mười nén vàng cùng đi về núi Mã-Yên đi được một thời đến chỗ ngã ba Bá-Nha ngồi trên tảng đá để đợi người đi qua hỏi thăm, ngồi một lát thấy một ông cụ già ở đường bên tả lại, tay phải chống gậy, tay phải xách cái hòm nan Bá-Nha đứng lên vái một cái ông cụ vội vàng đáp lễ và nói rằng chẳng hay Tiên-Sinh có điều gì dạy bảo cho đó dư? Bá-Nha nói thưa cụ tôi có ý hỏi thăm cụ đường nào về Tập-Hiến thôn, cụ làm ơn mách dùm cho. Cụ già nói: nguyên đây hai đường về Tập-Hiến thôn cả, đường bên tả thời về thôn thượng, còn đường bên hữu thời về thôn hạ chẳng hay Tiên-Sinh

về thôn nào ? Thừa cụ tôi có quen một người gọi là Trung-Tử-Kỳ không biết rằng ở thôn nào ? Ông cụ già nghe thấy nói đến Tử-Kỳ vội vàng quăng nón xuống đất khóc thút mướt mà nói rằng ; Trung-Tử-Kỳ là con tôi nhân rằm tháng tám năm ngoái nó đi kiếm củi về gặp ông quan thượng-dại-phu nước Tấn tên là Du Bá-Nha tâm đầu ý hiệp với nó, đến lúc đi có cho nó hai thoi vàng, cháu nó nhân có món tiền ấy mới đi mua sách vở về học, lão chuyết này trông thấy con không nỡ cấm, buổi sáng thời đi đốn củi tối về thời chuyên cần đọc sách, dần dần khí lực hao mòn thành bệnh được vài tháng thời chết. Bá-Nha nghe nói oà ra khóc, nước mắt hình như suối chảy ông cụ già mới quay lại hỏi nhỏ Tiểu-dồng ông này là ai thế. Tiểu-dồng ghé tai nói thầm rằng chính là Du-Bá-Nha lão già đấy, ông cụ già nói nếu thế là ông bạn rất thân của con tôi rồi vội vàng lau nước mắt lại yên ủi và nói khi con tôi lâm trung có dặn rằng : Con lúc sống không được hết bốn phần thờ cha mẹ sau này mà con chết xin cha chôn con ở bên núi Mã-yên cho chôn vẹn được nhời ước của quan Đại-phu Du-Bá Nha, cái đồng đất mới ở con đường mà Tiên-sinh đi qua chính là mã của con tôi đấy, hôm nay vừa chẵn trăm ngày lão-phu đem giấy tiền ra mồ để hóa may sao lại gặp được Tiên-sinh. Bá-Nha nói nếu như thế xin lão-bà dẫn tôi đến viếng phần mộ một phen, rồi bảo tiểu-dồng sách cái hòm nan của Trung-công. Trung-công đi trước Bá-Nha theo sau đến gần hang núi quả nhiên thấy một đồng đất mới. Bá-Nha sửa sang khăn áo đứng trước mộ phần lạy và khóc rằng : Hiền-dệ khi sống thông minh mẫn tiệp, bần chết thời anh linh, nếu hồn em có khôn thiêng xin chớng dám, lạy song khóc lóc thiết tha rồi sai tiểu-dồng lấy đàn ra ngồi xuống bên mồ gầy một khúc rồi hỏi Trung-công rằng : Lão Bà có biết tôi gầy khúc gì đấy không ? Trung-công nói khi lão-phu hãy còn ấu chăng cũng có tập, nhưng bây giờ đã già cả, ngũ quan yếu đuối nghe ra mơ-hồ phảng-phất. Bá-Nha nói thưa lão Bà hạ quan gầy một khúc để viếng lệnh lang xin để Lão-bà nghe : Nói xong rồi đọc :

*Cùng ai năm ngoài sông này,
Cung cầm dưới nguyệt tỉnh say nặng nhời.*

Mà nay đã khuất bóng người,
Tri âm ở dưới tuyền đài thâu chẳng.

Cùng nhau gặp gỡ,
Trông thấy đàn lại nhớ lời tri âm.

Ông xanh kia sao khéo độc ngâm,
Chia nghĩa trọng với tình thâm đôi ngả.

Nhất ngộ thâm tình quân dũ ngã

Thử cầm chung khúc ngã lân quân

Biết bao giờ cho gặp mặt tri âm,
Thôi vớt phiếm đập cầm đi rảnh quách.

Tử-Kỳ ơi!!! hồn em hiền hách.
Chứng cho anh bọc bạch trăn thành,

Giời sao nữ phụ cho dành.

Bá-Nha đọc xong, hai tay cầm đàn quay về tảng đá đập tan nát ra. Trung-công ngạc nhiên vội-vàng hỏi cớ sao mà Tiên-Sinh lại đập tan nát đàn ra thế? Bá-Nha nói: Lệnh-Lang đã qua đời rồi, hạ quan cũng xin không gảy nữa, ở đời gặp được tri âm rất khó, mà tri âm đã vội ly trần, còn biết lấy ai là tri âm nữa. Trung công nghe nói, ngao ngán mà rằng: Giời kia khiến vậy lão-phụ lấy làm tiếc, xin mời tiên-Sinh rồi gọt ngọc lại chơi tiện sả. Bá-Nha nói đa tạ Lão Bá, hạ quan đường thương cảm lệnh Lang nữ thấy nơi ăn chốn rằm của lệnh Lang khi xưa, đây là gọi có ít vàng, một nửa thay cam chỉ của lệnh Lang mà báo đền cho nhị Bá-phụ, còn một nửa cúi nhờ Lão-Bá tậu cho ít ruộng, để làm ruộng tế điền cho lệnh-Lang, còn hạ-quan sẽ về Triều dâng biểu xin hồi hưu, rồi sẽ sai người đến rước Nhị-Lão-Bá về hàn gia cho tiện lễ thần hôn định tỉnh, hạ quan tức là Tử-Kỳ. Tử-Kỳ tức là hạ quan, nói xong lấy mười nén vàng ra hai tay nâng đưa Trung-Công rồi thụp xuống vừa khóc vừa lạy. Trung-Công lòng càng cảm kích cũng lạy giả, đứng dằng từ giả kẻ ở người đi.

Ở đời mấy mặt tương tri.

Biết nhau như thế Tử-Kỳ Bá-Nha.

Vắng tri-âm đập đàn ra.

Ai tri-âm đó, mặn mà với ai.

Dịch-giã
THÁI-VĂN-PHÚC

MỘT CÁI ÁN LẠ!

(Kim-cổ-kỳ-quan)

Dịch-giả : N. V. T. H. C.

Vương-Sinh người quận Tích-Giang, phủ Ôn-Châu, huyện Vĩnh-Gia, vợ là Lưu-Thị, sinh hạ được một con gái mới lên hai tuổi. Trong nhà, thằng nhỏ con nhai vài ba tên, cái cảnh gia-dình ấy cũng có thể gọi là lạc-thú vậy.

Lưu-Thị nết-na cần-kiệm, thực đáng là một người nội-trợ đảm-dang; Vương-Sinh theo đòi nghiệp nho, nhưng không theo học trường nào, cải ở nhà soi kinh nấu sủ, thường hay đi đây đi đó tìm bậu đề luận bàn câu thơ đoạn phú.

Một hôm nhà tiết xuân ấm áp, chiều giờ êm ả, Vương-Sinh cùng mấy người bạn rủ nhau dạo chơi thôn-giã, rồi tìm nơi uống rượu thưởng xuân. Gặp khi mát mẻ, nhân buổi vui vầy, Vương-Sinh sinh tri chén say lịt cung-thang.

Lúc ra về, tới nhà, thấy người nhà đang cãi nhau om sòm với một kẻ lạ mặt ở ngoài cửa. Nguyên người này ở Hồ-Châu, họ Lã, đi bán gừng, vì người nhà Vương-Sinh mua hàng tiền nong thừa thiếu thế nào nên sinh sự to tiếng.

Vương-Sinh hỏi đầu đuôi câu chuyện rồi bảo anh hàng gừng rằng :

« Tiền nong thế nào, mua đoạn bán rồi, còn lời thôi gì ? »

— Thưa ông, nào tôi có lời thôi ở đâu; vốn liếng tôi có mấy mà các anh ấy giả thiếu tiền tôi thế, thiệt tôi lắm. Ông là người lớn, xin ông xét lại cho tôi nhờ, chứ ông lại bênh người nhà, ăn hiếp tôi thế sao đành ? »

Vương-Sinh đang lúc ma-men ám ảnh, nổi giận mắng rằng :

« À! Thằng này giỏi! dám nói láo à! »

Miệng nói, tay dấm chân đá, chẳng dè anh hàng gừng vốn có bệnh hen, bị đánh mạnh quá, ngã lăn ngay ra, bất tỉnh nhân sự... Vương-Sinh thấy thế sợ quá, vì lúc ấy hơi men đã gần hết; liền hối người nhà vực anh hàng gừng vào trong, đổ thuốc cho anh ta; được một lát anh hàng gừng dần dần tỉnh lại. Vương-Sinh xin lỗi rồi sai làm cơm rượu thiết đãi, lại đèn cho một tấm lụa trắng nữa. Anh hàng gừng đổi giận làm vui, cảm ơn rồi đi.

Vương-Sinh vào nhà trong nói truyện với vợ rằng:

« May quá ! Suýt nữa thì rầy rà to ! »

Lúc ấy, bóng đã xế chiều, Lưu-Thị sai con nhai bung com rượu ra, vợ chồng ăn uống cho khuây sợ.

Chợt thấy có tiếng gõ cửa rất kíp, Vương-Sinh chợt dạ cầm đèn chạy ra thì thấy bác lái dò Chu-Tứ tay cầm tấm lụa với cái thúng, vừa thở vừa bảo Vương-Sinh rằng :

« Ông ơi, vạ to đến nơi rồi ! »

Vương-Sinh mặt mày sấm ngất, cắt không còn hột máu, vội hỏi :

« Vạ ở đâu đến ? »

— Ông có nhận ra tấm lụa và cái thúng này không ? »

Vương-Sinh nhìn xem rồi nói :

« Tấm lụa này tôi đã đãi bác hàng gừng ban sáng, cái thúng này của hấn đựng gừng bán, sao những vật ấy lại vào tay bác ? »

— Lúc chiều, có người họ Lã ở Hồ-châu, vừa bước xuống thuyền tôi thì cơn hen đưa lên rất dữ dội, hấn có dặn tôi rằng : hấn bị ông đánh thành ốm, nay hấn đưa lại cho tôi tấm lụa cùng cái thúng này để làm chứng, nhờ tôi qua Hồ-châu báo tin cho người nhà hấn biết mà đi kiện, dặn xong thì chết, hiện tử thi còn ở dưới thuyền tôi đậu ngay cạnh bến, ông đến mà xem, rồi liệu sao cho yên việc, kéo nguy đấy. »

Vương-Sinh nghe nói ngẩn người ra, nhưng vẫn nói bạo rằng :

« Không có lẽ thế được »

Vội theo Chu-Tứ đến bến dò, xuống thuyền xem quả có một cái tử-thi. Có tạt giạt mình thấy thế cuống cả người lên, về nhà bàn với vợ rằng :

« Công truyện đã ra thế này, chỉ còn có cách dứt tiền cho lái dò, đêm nay tối giời đêm sắc ấy chôn quách đi mới yên truyện được. »

Liền lấy 20 lạng bạc đến bảo lái dò (là Chu-Tứ) rằng :

« Bác đừng lộ truyện cho ai biết, tôi với bác cùng làng, hơi đâu bác cống răn cản gà nhà, báo thù cho người dung mà hại tôi ; bác giúp được tôi, tôi xin trọng tạ, bác để tôi sai người nhà khiêng cái sắc này đem chôn đêm hôm nay ai biết mà sợ.

— Ngộ có ai tố-giác, thì cả tôi cũng lòi thôi ; thế nhưng chôn ở đâu ?

— Gần tiên-phần ông tôi, chỗ ấy vắng vẻ, phiền bác cùng người nhà tôi đem ra đấy lẳng lẳng vùi đi là xong,

— Ừ thế thì được, nhưng ông định cho tôi bao nhiêu tiền ? »

Vương-Sinh móc túi đưa ra 20 lạng bạc. Chu-Tứ ché ít nói rằng :

« Mạng người không phải vừa, ngần ấy tiền chẳng bõ, ít ra là hàng trăm mới được ».

Vương-Sinh cốt cho xong việc, chẳng ngại tốn kém, về ngay nhà có bao nhiêu tiền nong vàng bạc đưa đến cho Chu-Tứ mà rằng :

« Đây ước chừng cũng được sáu bảy mươi lạng, thực quả trong nhà chỉ có ngần ấy, bác làm ơn nhận và giúp cho ».

Chu-Tứ thấy món bõ, hip mắt lại, máu tham nổi lên, nhận nhời ngay. Vương-Sinh lại mời Chu-Tứ về nhà đãi cơm rượu ăn cần tử tế. Ăn uống xong, Vương-Sinh sai hai tên người nhà mang thuyền quốc theo Chu-Tứ xuống thuyền, (trong hai tên người nhà ấy, một đứa tên gọi Hồ-A-Hồ, tính hung tợn người lực lưỡng), khiêng tử-thi đến bãi tha-ma vắng vẻ, đào huyết chôn, đến khuya mới về.

Công việc ổn-thỏa mới yên tâm, Vương-Sinh bảo vợ rằng :
« Tôi vốn con nhà gia giáo, không may gặp bước dúi-do, bị quân tiểu-nhân ăn nà ăn hiếp, nghĩ bao nhiêu bực mình bấy nhiêu ».

Nói đoạn, cúi đầu xuống, gạt nước mắt. Lưu-thị khuyên chồng rằng :

« Cái đó là mệnh giới khiến vậy, số cậu phải bị cái nợ ấy ; tổn của có hề gì, được vô-sự là may, thôi xuất đêm hôm qua vất vả, nay cần phải nghỉ ngơi cho lại người, chừ đừng phiền não thế nữa ».

Cách mấy hôm sau, Vương Sinh thấy việc mình êm thấm, lòng mới nguôi nguôi ; bèn sắm sửa lễ-vật tam-sinh, lễ thần thánh cùng gia-tiên.

Chu-Tứ từ đó thường hay đi lại giả vờ thăm hỏi để vay mượn ; Vương-Sinh cực chẳng đã cũng phải tư-cấp cho hắn.

Năm sau, con gái Vương-Sinh lên đậu, bệnh tình nguy kịch, thòi thì đi bói đi lễ, chạy thầy chạy thuốc, hai vợ chồng hiểm hoi có một mụn con nên đêm ngày săn sóc lo sầu, không nài khó nhọc tốn kém, song bệnh chỉ có tăng mà không có giảm. Có người mách rằng Từ Tiên-sinh ở trong huyện làm thuốc giỏi có tiếng. Vương-Sinh viết thiệp sai Hồ-a-Hồ lập tức đi mời ông lang ấy và dặn rằng:

« Mày cầm thiệp này đi mời Từ tiên-sinh đến thăm bệnh ngay cho, ở nhà tao sẽ bảo làm bữa chưa để thầy lang đến thì mời thầy soi cơm. »

Hồ-a-Hồ vâng vâng dạ dạ ra đi.

Đến chưa cũng chẳng thấy về, mãi đến chiều cũng chẳng có tin tức gì; suốt ngày hôm ấy thầy lang đã chẳng thấy đến, mà đưa đi mời cũng mất hút. Đêm hôm ấy, con bé khốn nạn đã từ giã cha mẹ nó mà đi đời rồi; vợ chồng Vương-Sinh than khóc thảm thiết, như thể mất của báu sống vậy. Sáng hôm sau, chôn cất xong xuôi, đến chưa mới thấy Hồ-a-Hồ về không mà nói rằng:

« Từ tiên-sinh đi vắng, tôi chờ suốt một ngày không thấy về; nay sợ ở nhà mong tôi đành phải về không vậy. »

Vương-Sinh thở dài mà rằng:

« Thôi ! chẳng qua cái số hệ con ta đến ngày tận, nên nó sinh ra như thế. »

Cách vài hôm sau, Vương-Sinh nghe bọn người nhà truyện trò to nhỏ, thì ra Hồ-a-Hồ không đi mời thầy lang, lại đi uống rượu đánh mất thiệp mời, cho nên trốn đến hôm sau mới về tìm cách nói dối. Nghe được câu truyện, Vương-Sinh sực nhớ đến con gái, thương con bao nhiêu, giận dứa ở bấy nhiêu, gọi Hồ-a-Hồ ra lấy roi toan đánh. — Hồ-a-Hồ cãi rằng:

« Tôi có tội gì, hay là tội giết người mà ông đánh tôi? »

Vương-Sinh nghe nói, như lửa bốc đồ giàu thêm, tức bao nhiêu, hăng lên bấy nhiêu, sai người nhà đề Hồ-a-Hồ xuống đánh 50 roi chát tay, đã giận mới thôi rồi đi vào nhà trong.

Hồ-a-Hồ bị đòn, rách da nát thịt đau đớn quá chừng, chạy xuống buồng mình nằm phục bên đường. Trong lòng oán chủ-nhà, nghĩ rằng:

« Con mày lên đậu nặng mà chết đó là số giờ, sai ta đi mời thầy không được, dễ thương đồ cho ta làm chết con bé hân... À mày đánh tao, được lắm! để tao khỏi đau rồi tao làm cho mày biết tay. »

Vương-Sinh từ khi bỏ mất đứa con đã được hơn một tháng, nỗi nhớ thương cũng đã theo thì-giờ thấm thoát mà khuây khuây dần.

Một hôm, đang ngồi trong nhà, chợt thấy mấy tên linh-lệ chạy sấn vào, tay mang siềng xích chẳng nói chẳng rằng trói nghiền Vương-Sinh lại.

Vương-Sinh sợ quá hỏi:

« Thừa các cậu, tôi là con nhà nho, có tội tình gì mà các cậu làm nhục tôi thế ? »

— Úi chà ! nhà nho ! nhà nho ! mà không giết nỗi nhân-mạng à ? chẳng lòi thối gì cả, đến cửa quan mà biện-bạch »

Bấy giờ Lưu-Thị cùng cả nhà không hiểu lời thối vì đâu, thấy thế chỉ đứng sững dương mắt nhìn mà thôi. Linh-lệ bắt điệu Vương-Sinh đi rồi, Lưu-Thị chạy vào nhà trong khóc lóc thảm thiết.

Nói về Vương-Sinh theo linh-lệ đến huyện-dương quý xuống; bấy giờ kẻ nguyên-cáo cũng quý một bên, Vương-Sinh sẽ ngẩng mặt nhìn, thì chẳng phải ai đâu mà lạ, chính tên người nhà là Hồ-a-Hồ ; Vương-Sinh trong bụng hiểu ngay.

Quan huyện cất tiếng hỏi : « Tên Hồ-a-Hồ khai rằng anh đánh người bán gừng chi mạng, có thể không ? »

Vương-Sinh nói : « Trăm lạy quan lớn đèn giờ, tôi là một người học-trò yếu đuối, sức đâu mà giết người ; tên Hồ-a-Hồ này là đầy tớ chúng tôi, vì nó làm lỗi. tôi có quả phạt, nó sinh lòng thù oán, bày đặt ra cái tội ác ấy vu oan cho tôi ; xin quan lớn minh sét cho tôi nhờ. »

Hồ-a-Hồ kêu rằng : « Bẩm quan lớn, chủ nhà quả phạt đầy tớ là sự thường, con đâu dám vì thế sinh thù sinh oán ; hiện cái xác người chết chôn ở bên cạnh tiên-phần chủ con, xin quan-lớn cho người theo con đến đây đào lên xem nếu có thì quả đủ chứng cứ là chủ con có giết người ; bằng không, con xin chịu cái tội vu cáo. »

Quan huyện cho lính theo Hồ-a-Hồ đi. Được một lúc khiêng về một cái sác, quan huyện khám nghiệm xong bảo Vương-Sinh rằng:

« Sác hiện có đây, anh còn lẽ gì cãi nữa không » — Bẩm quan lớn, sác ấy đã nát, thế đủ rõ rằng Hồ-a-Hồ thù tôi mà vu cho tôi, vì nếu thực tôi đánh chết người, sao ngay lúc ấy nó không đi tố-giác, lại để đến ngày nay; tôi chắc quân ác-nô này tìm đâu được cái sác người ấy đem vùi ở đây để vu vạ hại tôi. »

Hồ-a-Hồ cãi rằng; « Bẩm quan-lời việc chủ con giết người thực quả đã một năm nay, song lúc đó con nghĩ tình thầy trò không nỡ tố-giác; nhưng nay con thấy chủ con càng ngày càng quá lắm, cái chứng hành hung không bỏ, con sợ lại sinh sự ắt con cũng vạ lây, nên con đánh liều đem truyện cũ trình quan lớn biết, sự là sự thực, con không dám nói gian, chẳng tin xin quan lớn cho đòi lân-bang đến hỏi sẽ rõ. »

Quan huyện cho đòi bốn bên hàng xóm nhà Vương-Sinh đến đối chứng thì ai nấy đều một mực giả nhời rằng: năm trước có người bán gừng bị Vương-sinh đánh chết ngất đi, may cứu tỉnh lại được, còn sau thế nào họ không biết.

Vương-sinh thấy ai nấy đều khai rằng có thấy mình đánh anh hàng gừng thì mặt mày tái mét, nói chẳng ra nhời. Quan huyện nổi giận quát lính nọc Vương-Sinh ra đánh 20 roi, Vương-Sinh bị đánh đau quá phải thú nhận có giết người. Quan huyện lấy khẩu cung rồi bảo nha dịch rằng: « Tên này có tội giết người, song kẻ thiệt mạng không có thân-nhân khiếu oan, chưa thể kết án được, vậy hãy tạm giam tội-nhân lại, đợi có ai là người nhà kẻ thiệt mạng đến sẽ hay. »

Hồ-a-Hồ rửa được tức, giả được oán dương dương đắc tri; song không dám về nhà chủ nữa, tìm nơi khác nương thân.

Người nhà Vương-Sinh theo đến huyện nghe tin chủ bị tống giam, vội về báo cho bà chủ biết; Lưu-Thị nghe nói khóc oà, ngất đi. Con nhai cứu gọi hồi lâu mới tỉnh, tỉnh ra lại khóc!!!

Khóc chán rồi mở hòm lấy bạc đem theo mấy con nhai vào ngục thăm chồng. Vợ chồng dàn mặt nhau khóc như mưa. Vương-Sinh gạt lệ bảo vợ rằng: «Thằng Hồ-a-Hồ bắt nhen nó hại tôi! tôi giận không thể ăn thịt được nó thôi!»

Lưu-thị nghe biết truyện cũng phải cảm thay loài ác-nô phản chủ. Đoạn, đưa tiền cho chồng và dặn rằng: «Cậu đem tiền này phân phát cho linh tráng để họ chu toàn cho, đỡ phải hành hạ».

Hồi lâu, Lưu-thị khóc lóc từ giã ra về.

Vương-Sinh từ khi bị tổng giam, lấy làm khổ sở lắm. Lưu-thị chẳng nài tốn kém, hết kêu cửa này lại cầu chỗ kia, đề xin cho chồng khỏi phải tù-ngục; nhưng quan huyện bảo rằng: «Án mạng rất hệ trọng, không thể cho tội-nhân tại ngoại được».

Vì thế Vương-Sinh đã khổ sở lại thêm phiền não đến nỗi thành bệnh, một ngày một nặng, Lưu-thị mời thầy chạy thuốc, vất vả tốn kém mà chẳng thấy bớt chút nào.

Đang khi bối rối, bỗng có một vị cứu tinh ở đâu đến, khiến cho hung trung phùng cát, chuyển họa vi phúc: số là một hòm, bỗng có mấy người bước tới cửa nhà Vương-Sinh hỏi người nhà rằng: «Tướng-công (chỉ Vương-Sinh) có nhà không?»

Bọn người nhà trông thấy người kia, sợ hết hồn, vừa chạy vào vừa kêu rằng: «Có ma! có quỷ!» Còn người kia chẳng hiểu ra làm sao chỉ đứng ngây ra đấy.

Lưu-thị thấy ồn ào chạy ra xem, người kia bước tới chào mà rằng: «Tôi là người bán gừng họ Lã, ngày trước ông nhà ta đã cho tôi ăn uống lại tặng tôi một tấm lụa, ơn ấy tôi vẫn nhớ; về sau đi buôn bán xa, nên lâu không giở lại; nay nhân tiện qua đây buôn bán tạt vào hỏi thăm ông bà, không biết sao bọn người nhà lại bảo tôi là ma?»

Lưu-thị ngăn người ra mà rằng: «Ồi giờ ời, nếu bác không phải là ma, thì cậu nó nhà tôi oan uổng khổ sở chưa!»

Người bán gừng họ Lã ngạc nhiên hỏi: «Ông ấy đâu, có truyện chi oan uổng?»

Lưu-thị đem truyện Chu-tứ man-trá, Hồ-a-Hồ tố giác, Vương-sinh bị giam, nhất nhất kể ra. Anh bán gừng nghe truyện tức thay mà rằng: « Có lẽ nào lại oan uổng đến thế; năm ấy khi tôi ở đây ra về, lúc xuống thuyền lái dò thấy tôi có tấm lụa hỏi tôi mua ở đâu, tôi có kể đầu đuôi câu truyện cho hắn ta nghe, hắn liền bảo tôi để lại, tôi thấy hắn giả cái giả cũng hơi nên bằng lòng bán; hắn lại muốn lấy cả cái thùng của tôi, tôi cũng bằng lòng gán cho hắn để giả tiền dò. Ai ngờ hắn gạt tôi lấy hai cái dò ấy để hãm hại ông nhà ta như vậy, tức là tội ở tôi đó. »

Lưu-thị nói: « Nếu bác không lại qua đây thì ngay tôi cũng không biết rằng nhà tôi oan uổng, nhưng chẳng biết cái tử thi giả mạo ấy ở đâu mà có? »

Anh hàng gừng họ Lã ngâm nghĩ một lúc rồi nói: « À phải rồi, bữa ấy lúc bước xuống dò, tôi có thấy một cái sắc chết chồi dạt vào gần bờ, mà anh lái thì chú mục nhìn cái sắc ấy hồi lâu; à, thế ra nó độc ác dấp mưu hại ông ấy. Bây giờ, bà chờ chậm chễ phải đưa ngay tôi đến huyện, minh oan để cứu ông ấy ra mới được »

Lưu-Thị vốn con nhà thi lễ, chữ-nghĩa cũng biết đòi chút, liền thảo một lá đơn khiếu-oan, rồi cùng bác hàng gừng đến huyện, vừa may Quận-huyện đang sử kiện ở công-đường. Lưu-Thị đệ đơn lên, quan xem đoạn đòi lên hỏi. Lưu-Thị kể rành mạch truyện chồng mình say rượu đánh người bị thương. Chu-Tứ mạo thấy bốp của, Hồ-a-Hồ vi thù riêng tố giác, và may bác hàng gừng họ Lã lại đến mới rõ oan tình, vân vân . . . Quan lại hỏi bác hàng gừng thì bác ta cũng cứ thực tường khai. Quan nghi tình hỏi: « Hay là Lưu-Thị thuê mi để mi nói như vậy? »

Bác hàng gừng kêu rằng: « Bẩm quan lớn con buôn bán ở đây đã lâu, quen biết nhiều, chẳng tin xin quan lớn cho hỏi sẽ rõ. »

— Vậy mi quen những ai, tên tuổi họ là gì, kể ra để ta cho linh đi đòi đến làm chứng. »

Bác hàng gừng kể ngay ra mấy tên rõ ràng, linh đi một lúc đưa về một bọn vừa hàng xóm nhà Vương-sinh vừa người quen bác hàng gừng. Quan hỏi những người làm chứng thì ai nấy đều thừa rằng: « Hắn chính là họ Lã đi bán gừng. »

Quan huyện bấy giờ trong bụng đã lo rõ mạnh mỗi cái án lạ ấy, liền bảo mọi người hãy lui và dặn chờ có lậ truyền ra ngoài. Đoạn, gọi mấy tên lính lanh-lợi dặn rằng : « Bay đi dò xem tên lái đồ Chu-Tứ, cùng tên Hồ-a-Hồ ở đâu, rồi lừa thế nào đưa được chúng nó đến đây cho ta ; nhưng chờ cho chúng nó biết truyền nhé ! »

Mấy tên lính ra đi. Đẳng này thì Lưu-Thị và bác hàng gừng cùng nhau vào ngục thăm Vương-Sinh và bảo tin mừng ; Vương-Sinh được tin vui mừng khôn siết, vì thế bệnh cũng bớt được nhiều.

Nhắc lại Chu-Tứ từ khi được món tiền của Vương-Sinh thì bỏ nghề cũ, mở một cửa hàng buôn bán tơ lụa ở gần huyện. Mấy tên lính dò biết cửa hàng Chu-Tứ kéo nhau vào bảo anh ta rằng : Quan cần mấy tấm lụa, anh đến ngay huyện để quan hỏi giá cả ». Tình cờ hôm ấy Hồ-a-Hồ cũng vắng ở cổng huyện mấy tên lính bắt gặp nói rồi rằng : « May chữa ! anh đến may chữa ! quan đang chờ anh đến vì nay có khổ-chủ khiếu oan, chỉ còn chờ thủ-cáo đến là kết án, vậy anh theo chúng tôi vào ngay » Hồ-a-Hồ tưởng thật đi ngay.

Quan huyện thẳng đường, mọi người đủ mặt. Lúc đó Chu-Tứ thoát thấy anh hàng gừng họ Lã, chợt dạ muốn chồn nhưng chạy dẫu cho thoát.

Thoạt tiên quan đòi anh hàng gừng và Hồ-a-Hồ lên, chỉ anh hàng gừng và hỏi Hồ-a-Hồ rằng : « Mi có biết người này không ? »

Hồ-a-Hồ nhận ra anh hàng gừng sợ tái mét chẳng biết giả nời thế nào.

Quan huyện mắng rằng : « quân ác-nô này bất nhơn thật, chủ mi ở với mi chẳng tệ, sao mi nỡ đồng mưu với lái đồ mà hại người ta thế ? »

— Bẩm quan lớn, thực quả chủ con có giết người, con không giám khai man.

— Mi còn cãi à ? Thế thì ai quý ở trước mặt mi kia ? »

Liền quát tả hữu đè Hồ-a-Hồ xuống Đứa ác-nô bị tấn chịu không nổi kêu lên rằng : « Quan-lớn bảo con vì thù riêng kiện chủ thì con xin cam chịu tội đó, chứ đồng mưu với lái đồ hãm hại chủ thì thực con không có thể. »

Quan huyện lấy khẩu-cung rồi đòi Chu-Tứ lên, bắt trước còn chối cãi, sau bị quan vắn cho một hồi, vả lại anh hàng gừng sờ sờ trước mắt, đành phải chịu nhận :

« Năm ngoái một hôm, bác hàng gừng sách thùng mang tấm lụa xuống thuyền con; ngẫu nhiên con biết truyện hấn ta với Vương-Sinh, lại thấy gần bến có cái sác chết trôi, nên đắp mưu gian kế độc, nài mua bằng được tấm lụa và cái thùng rồi vớt cái tử-thi đem lên thuyền; đoạn đến lừa dối Vương-Sinh, nên hấn có đủ tiền cho con để chôn sác ấy tại nơi vắng bãi tha-ma, có thể nào con xin cứ thực khai xin quan-lớn lượng xét ».

Quan huyện nói : « Mi nói thực đã đành nhưng ở trong còn có điều hàm-hồ, sao ở bờ sông lại sẵn có sác chết chôi thế; hay là mi lại mưu hại ai ở đâu đem sác vớt xuống đây chứ gì ? »

Chu-Tứ kêu rằng : « Thực quả con không giết ai cả; vả lúc ấy anh hàng gừng cũng có trông thấy cái sác chết trôi ấy. »

Quan hỏi anh hàng gừng thì hấn ta nói quả có trông thấy Quan-huyện biết quả là chân-tình, sao khẩu-cung rồi sai tả hữu vật Chu-tứ và Hồ-a-Hồ xuống, phạt trượng. Hồ-a-Hồ chịu chưa được bốn mươi trượng đã chết trôi ngay dưới thềm; còn Chu-Tứ chịu được bảy mươi trượng thì ngất đi rồi tắt nghỉ? Quan truyền gọi người nhà tới nhận đến khiêng sác về mai táng.

Đoạn sai tha cho Vương-sinh. Cửa cái nhà Chu-Tứ bị tịch ký đáng nhẽ sung vào công khố, nhưng quan huyện thương tình Vương-sinh bị oan khuất bấy lâu nên cho hấn lĩnh lấy cả. Vương-Sinh khấu đầu lấy tạ, về nhà vợ chồng ôm nhau mà khóc !!!

Hai vợ chồng Vương-sinh cảm ơn người họ Lã, ân cần giữ lại thiết đãi. Rồi sau hai bên đi lại với nhau rất là thân mật.

Nem truyện này mới rõ : phạm những nhà có cái trách nhiệm cầm cân nảy mực cho lẽ công-bằng chớ nên khinh mạng người như cỏ rác, coi thể chò chơi. Như cái án lạ trên này chứ anh lái dò ra còn ai rõ khúc trực thế nào; nếu bác hàng gừng kia không trở lại thì chẳng những ai ai cũng yên trí là Vương-sinh có tội giết người mà chính Vương-Sinh cũng u u minh minh không biết rằng bị hàm oan. Phương chi ở chốn công-dinh, há rằng trăm việc không nhầm cả trăm ! Cho nên những nhà cha mẹ dân phải cẩn-thận lắm thay !

HẾT

THẤY NGƯỜI HƠN CHỜ ĐEM LÒNG GHEN GHÉT

Phải có ganh đua mới có tiến bộ. Nhưng mà nếu thấy người hơn chẳng chịu cố sức theo người dành phần lớn-bon chịu ếp một bề, cam thân run-rẻ chẳng quản lấm dầu, chỉ tìm những mưu quỷ trước ma, nói xấu vu oan để hại người những mong cho người thua kém, thế là có lòng ghen ghét. Nhiều người có tính xấu này, rất nguy hiểm cho đồng bào, cũng tại vì lúc còn đi học hay ghen ghét với anh em chúng bạn. Vậy từ khi còn đi học, nên biết ganh đua cho chính đáng. Mong bài dịch sau đây bổ ích cho người có tính ấy được đôi chút.

Nếu người thông minh chăm chỉ hơn ta mà được lên đầu lớp, chờ có tức ngược dầy voi, ghen ghét với họ. Nếu họ học hành rồi mà họ không kiêu căng, không xấu bụng, không khinh người ngạo vật thì ta phải quý báu ngợi khen, mừng thầm cho họ. Ai cũng rõ rằng người học rồi nào có cấm mình chuyên chỉ sách đèn được dẫu, nào có bắt mình phải cam chịu ngu hèn dẫu. Có lẽ nào thế được. Người làm gương tốt cho ta, là người có ích cho ta đó : người thúc giục ta lên đường tiến thân, thế chẳng phải người dúp đỡ ta đó sao. Nếu chỉ giao thiệp với những bọn túi cơm rá cơm ngu hèn lười biếng thì ta cũng thành hư thân mất nết, giải lưng tổn vải mà chờ ? Phải có người đầu đàn, người dẫn lộ mới được. Chơi với người hay kẻ rồi hơn mình thì vẫn được lợi nhiều. Một bài thơ Đông-phương có câu rằng :

« Một đoá hoa kia nói : Ta không phải là giống hoa hồng, nhưng ta ở gần hoa hồng nên ta cũng được thơm lây đôi chút. »

Ở trường này thế ra đời cũng thế. Ở đời có kẻ trên người dưới, kẻ hơn người kém, sao bình đẳng nhất loạt được. Cũng có người chẳng nên công cán gì cam phận dãi tràng xe cát, cũng có người làm nên công nửa vời mà cũng có người đại thành công rồi ăn trên ngồi trốc. Người này nên phú quý, kẻ kia nên thông minh, kẻ khác nên danh giá lẫm liệt. Chính là những toán linh tiên phong đưa dẫn xã hội lên chốn vũ đài. Những lừa đảo đồng bào trong cuộc đồ

đen mà nên giàu có, đeo mã công lấy tiếng mua danh, để dè dàu cười cồ anh em, dùng thủ đoạn dối lừa, dối trắng thay đen để làm cho ám muội tấm lòng thanh bạch thì họ thực là làm hại cho đồng bào lắm lắm. Một người học trò đi chép bài hay làm cuống rối anh em tài rồi hơn mình trong lúc thi cử để tranh lấy phần thưởng mà mình không đáng chút nào thì cũng giống như người điên đảo trên kia vì ở trong trường là chuyện nhỏ mà ra đời là chuyện nhớn có khác gì đâu.

Nhưng mà nếu họ cạnh tranh chính đáng, nếu họ được nên là nhờ ở công trạng tài năng của họ, thì ở trong trường cũng vậy ở xã-hội cũng vậy, những người hơn ta có làm hại gì ta đâu, mà quả thực họ giúp đỡ cho ta nhiều. Nếu ta không tìm đường tiến thân mà đành chịu ếp một bề là lỗi ta, còn oán giận ai nữa.

Q. S. Trích dịch ở bài diễn thuyết hôm phát phần thưởng ở trường Croissy (Seine et Dise).

LUÂN LÝ VỀ SINH

I. Cách giữ gìn sức mạnh

Muốn sống lâu mạnh khỏe để cầu sự ích lợi cho nhà cho nước thì phải khôn ngoan mấy được, xin đọc mấy điều thí dụ sau này thì rõ :

Những cổ thi của người Grec còn truyền tụng lại nhiều bậc thượng thọ đại danh. Ông Solon, Sophocle, Platon hưởng thọ đến tám mươi tuổi mà lúc gần về quy-tiên tinh thần vẫn còn minh mẫn như thường.

Ông Pythagone gi dạy ta phải ăn ở có tiết độ mà năng vận động, chẳng may gặp lúc loạn lạc phải mạng vong, mà lúc ấy ông cũng đã hơn tám mươi rồi. Cứ theo cái lịch duyệt riêng, ông chia đời người ra làm bốn phần chính : phần thứ nhất kể từ khi mới sinh đến hai mươi tuổi gọi là đồng ấu ; phần thứ nhì tức là lúc trưởng thành kể từ hai mươi đến bốn mươi ; lúc đứng bóng kể từ bốn mươi đến sáu mươi ; lúc cảnh lão hay là xế chiều kể từ sáu mươi đến tám mươi. Vì bất đắc kỳ tử, giữa lúc loạn lạc

nên ông không có thời giờ mà kể hết cái phần thứ năm của đời ông, đang lúc ông còn giãi tỏ ta những điều ăn nhẽ ở rất hay rất phải; nhưng ta có thể ước lượng được rằng ông quyết từ bốn mươi đến sáu mươi là lúc ông lợi dụng nhiều nhất cái nỗ lực tinh thần, vì ông còn sống được hơn bốn mươi năm nữa mấy phải ly trần.

Ở nước Angleterre, Allemagne, Autriche sử ký cũng ghi chép nhiều ông thọ.

Ông Neton là một nhà thiện văn đại danh thọ được tám mươi bảy tuổi.

Nước Pháp cũng nhiều ông sống lâu lắm. Ông Victor Hugo là một nhà thi sĩ biệt tài thọ tám mươi ba tuổi. Đến năm 1885 mới mất. Ông Meissonier thọ tám mươi tuổi. Đến năm 1901 mới mất. Cả hai ông vẫn làm ăn như người trai trẻ đến mãi lúc gần chết.

Ông Chevreuil là một nhà y khoa bác sĩ đầu bạc phơ như bông. Năm 1886, làm chủ tọa cái lễ chúc thọ mà những bạn đồng sự mừng ông. Ông không hề uống rượu bao giờ, thường thường nói bông rằng: Tuy tuổi cao đầu bạc mà được mạnh khỏe như thường đô thị là tại ông biết tiết độ vậy. Ba năm sau cái tiệc long trọng này, ông mấy ly trần tựa người đi ngủ.

Ông Bossy cũng là nhà y-khoa bác-sĩ, người tỉnh Havre mạnh lạ thường thọ được trăm năm có lẻ. Bất cứ nắng mưa chẳng phân nhật giả, hễ ai cần kíp thỉnh cầu đi chữa bệnh là ông vui lòng đi ngay chẳng nề hà chi cả. Sinh năm 1793 đến năm 1896 ông tạ thế, thế mà còn kém thọ hơn thân phụ ông, người sống được đến một trăm tám tuổi. Còn những ông thọ vào độ tám mươi mà vẫn khỏe mạnh nhanh nhẹn hơn trai ba bốn mươi kể không sao siết. Xét kỹ những tỉ dụ trên kia thì ta tìm được ra một điều chân lý đích đáng tưởng những bạn đọc bài này cũng nên lợi dụng. Ấy nhờ chịu khó làm ăn, kiên tâm tiết độ, sử thể nhũn nhặn, nên các ngài đã kể trên kia mà ta có thể gọi là các nhà đại danh cả, vì ngài nào cũng có tiếng lừng lẫy trong nghề mình, mới có thể hưởng cái hạnh phúc lâu dài ở trên quả đất này vậy. Thế mới biết rằng chịu

khó làm ăn không giảm mất sức mạnh đi chút nào mà lại còn thêm sức lên nữa kia. Thân ta được Khang Kiển, trí ta được Thanh Cao, lòng ta được khoan khoái, đó chính là những của báu của người đời vậy.

« Q. S. Dịch báo Journal de la Jeuneppe. »

VỆ SINH THẬP ĐIỀU TREO TRONG CÁC TRÀNG NƯỚC SUÈDE

1°. Bất phân nhật dạ lúc nào không khi trong lành mát mẻ cũng vừa cần cho sức mạnh vừa trông giữ cho ta khỏi mắc những bệnh đau phổi.

2°. *Cách vận động và cách sinh hoạt.* — Ngày nào ta cũng phải tập thể thao ở ngoài không khí, vừa làm việc, vừa giải trí chơi bời. Đó chính là cái đèn bù vào lúc ở trong nhà vậy.

3°. *Ăn uống cho tiết độ và soàng soàng mà thôi.* — Kẻ nào thích uống nước trong, ưa ăn sữa ngọt chỉ ăn quả chín hơn là uống rượu thì thân thể được Khang Cát, công việc được mau chóng hạnh phúc mới tăng tiến.

4°. *Cách giữ gìn cho da thịt.* — Tắm rửa hàng ngày bằng nước lạnh để quen chịu rét, và mỗi tuần lễ bất cứ mùa nào cũng nên tắm một lần bằng nước nóng. Như thế thì giữ được sức mạnh mà vừa chánh khỏi hay phải cảm.

5°. Quần áo chớ nên ấm quá, chớ nên chật hẹp quá.

6°. Nhà ở phải có mặt trời soi vào luôn, khô ráo rộng rãi, sạch sẽ, sáng sủa, phong quang và chỉnh đốn.

7°. Các đồ vật trong nhà phải cho sạch sẽ: không khí, của ăn, nước uống, cơm bánh, dĩa khăn, áo quần, nhà cửa điều phải sạch sẽ. Ấy nhờ có sạch sẽ mới tránh khỏi các bệnh dịch tả dịch hạch cùng các bệnh hay lây khác nữa.

8°. Làm việc cố sức nhưng có điều độ thì cũng tránh khỏi được những bệnh thần trí và thân thể: đó chính là cái hạnh phúc ở đời và là điều an ủi lúc phiên khổ.

9°. Làm việc mệt rồi mà đi giải trí ở những nơi tẻ lâu, ca quán hay ở những đám tiệc huyên náo thì không

phải là nghỉ ngơi. Giờ sinh ra đêm để ngủ những khi nhàn hạ những khi yến tiệc phải làm thế nào để cả nhà mình được thỏa, cả trí mình được vui.

10°. Điều cần nhất cho sức mạnh là phải chăm chỉ làm ăn cho sinh sôi nảy nở, phải ưa làm những điều thiện, phải thích những điều vui lành. Cái trí muốn nên người có ích dụng cho gia đình, cái trí muốn nên thợ rỏi trong nhà nghề, cái trí muốn nên người dân tốt cho nước thì những cái quan niệm ấy làm cho đời người ta đánh giá vô cùng kể vậy.

Xin nói thêm rằng những người Suède thi hành những điều ở trên kia đã lâu rồi và phần nhiều dân ở xứ ấy làm ăn ở ngoài không khi tập thể thao có điều độ khôn ngoan cho nên dần dần mất cái thói say sưa cả ngày. Vì cơ ấy cho nên tuy khi hậu xứ Suède rét lắm mặc dầu ; cũng được kể vào xứ ít bệnh tật nhất ở Âu Châu. Trong nghìn người thì cái số người chết mỗi năm có một phần ba ít hơn nước Pháp

Q, S.

NHỒI VƯỜN NÓI

Một hôm, con ngựa, lánh mưa ẩn bên hang núi. Con vượn ở trong hang ra, bắt gặp mời vào, sai những vượn con đi hái hoa thơm, bẻ quả chín, về đãi cho ngựa rất là tử tế. Con ngựa bấy giờ cởi đeo bộ nhạc, mình đóng bánh hoa, ra dáng mỹ miều. Vả lại xưa nay vẫn ở nhà quan giàu có, ra vào xe ngựa kia, nay thấy con vượn ở trong rừng núi, đã có bụng khinh lại thêm con vượn quý con ngựa là con có tài có sức, mời đãi ân cần, thì con ngựa lại tưởng là nó cũng trọng cái bộ nhạc bộ bánh mình, cho nên lúc ngồi, thường cứ khua kêu tiếng nhạc, nhò nhết cái bánh mà làm ra một cách sang trọng.

Một lúc, rồi hỏi con vượn rằng: anh ở đây một chỗ hang sâu núi vắng, có cái gì là vui, buồn thế sao anh chịu được ?

Vượn nói rằng: ở đây bốn mặt núi rừng, bụi trần vắng sạch ; núi bên nam có cây quả chín ; rừng phía

bắc lăm thứ hoa thơm ; sau hang một giải suối trong, lúc cào lúc tắm ; trước cửa mấy hàng cây nhón, khi đứng khi chải, gió mát là bạn quen ; giảng thanh là khách cũ ; một lòng yên tĩnh, trăm sự thanh nhàn ; như thế chẳng vui là gì ?

Ngựa nghe xong cười nói rằng : chẳng lên núi Thái-sơn thì chẳng biết thiên-hạ nhón, chẳng xem sông Hoàng-hà thì chẳng biết bốn bể xâu. Kia như anh nói, thì chỉ thấy nhỏ mà chẳng thấy nhón, chỉ biết một mà chẳng biết hai. Nay tôi thử hỏi ở dài các cùng ở núi rừng thì chẳng nào sang ? Vượn đáp : dài các sang. Ngựa lại hỏi ăn *thúng giền* cùng ăn cá thịt thì mùi nào ugon ? Vượn đáp : Cá thịt ngon. Ngựa lại hỏi : mặc gấm vóc đẹp hay mặc nâu sồng đẹp ? Vượn đáp : mặc gấm vóc đẹp. Ngựa bảo rằng : dài các sang thì ở dài các hơn ở núi rừng, cá thịt ngon thì ăn cá thịt hơn ăn *thúng giền*, gấm vóc đẹp thì mặc gấm vóc hơn mặc nâu sồng. Vậy thế anh nay là người danh sĩ, sao không biết đường hơn nhẽ thiệt, ra mà giúp đời, cho được sung sướng phong lưu. Lại chả hơn già ở trong rừng này hay sao ?

Vượn nghe cười nói rằng : trong cõi hồng trần, tối đen như mực, giàu sang dắc mọng, danh lợi *con mưa*. Rừng núi chẳng sang nhưng mà vững ! *thúng giền* chẳng ngon nhưng mà sẵn ; nâu sồng chẳng đẹp nhưng mà bền ! chim khôn thì biết tìm cây mà làm tổ, vật khôn thì biết chọn đất mà ăn mình, đời có thái bình thì chim phượng-hoàng mới đến ; có người Bá-nhạc thì ngựa kì-ký mới ra. Những kẻ chỉ tham ăn mặc, chẳng biết gần xa, thì chẳng những về sau mang tiếng sấu, mà hiện nay cũng có lúc, vì vậy thiệt hại đến mình. Nay xem như bác, cổ đeo bộ nhạc, tiếng kêu soang soảng như chuông ; mình đóng bành hoa, sắc đỏ hồng hồng tựa gấm, thì ai nghe không ngốt, ai thấy không mê. Nhưng tôi chỉ sợ tiếng nhạc chưa kêu : đầu *roi* đã vụt ; bành hoa chưa đóng, hàm sắt đã đeo ; thì lại không bằng chơn đầu chơn cổ mà được nhón nhơ !

Ngựa nghe xong, ngẫm nghĩ nói rằng : anh nói phải, nhưng tôi bây giờ thì nên thế nào ?

Vượn nói rằng : việc ấy có khó gì, anh muốn khỏi tật chẳng, thì không gì bằng anh sớm ngoảnh đầu.

Hoàng giang LÊ NGUYỆT ĐÁN trình lục

CẦN CÓ GIÁO-DỤC CHO ĐÀN BÀ.

Đàn bà đã không có trí tuệ hoàn toàn lại không có giáo-dục đặc biệt khiến cho nói năng phải nhời, thì chỉ làm hư hoại cho xã-hội, chứ không trang điểm được chút nào; ở trong xã-hội thì họ ăn nói lằng nhằng hùa nhau nói xấu, và vui cười lạt lẽo, làm cho những bậc thượng lưu phải lánh xa và những hội danh tiếng ở kinh thành Paris chỉ còn ít người trẻ tuổi; giai làm không được việc, gái nói không nên nhời.

Ta có thể tỏ ra rằng trong nhân sự có nhiều điều bất tiện. Thật đấy trong cái chí cao thượng của bọn đàn bà đàn ông, tinh hiếu thắng của người tuần-tu, lòng thị-dục của người anh hùng, các ngu-chuyết của người kiệt-thiết, bụng nhiệt nảo của người tự-lập, tinh dũng-hấn của người can-dảm đều có cái bất tiện cả. Như thế có nên hết sức trừ khử cái tính hạnh tự nhiên, để cho cái chế-độ giảm hạ lương-năng đi không? Lương-năng giảm hạ như thế chắc giúp cho quyền gia-tộc và quyền cai-trị. Đàn bà mà kém phần ngôn-ngữ văn chương thường có tài khéo bỏ thiếu bồn-phận mình lắm, và những nước ít học không biết tự do, lại hay thay đổi chủ phủ luân. Giáo dục quốc-dân, khiến cho đàn bà cũng như đàn ông, nước cũng như dân, dần dần hoàn toàn ra lại là một bí-thuật cho các mục đích có lý tưởng, cho sự giao-thiệp của xã-hội và chính-trị mà người ta muốn vững-bền. Ta chỉ áy náy khó khăn về cái trí não đàn bà về cái hạnh phúc của họ.

Mở mang lẽ phải cho họ, giậy họ biết cái khổ hưởng liên tiếp với cái số phận thật cũng khó thay, nhưng đó cũng đủ biện bạch rằng sự học thường làm cho nhân quần được hưởng hạnh phúc, ta tưởng cái vấn đề này là nhất định vậy.

M^{me} de STAEL

Hoàng-giang Lê-nguyệt-Đán dịch thuật.

GIẤC MỘNG CỦA NGƯỜI TIÊU-PHỤ

(*Le rêve du bûcheron của Schmid tiên-sinh*)

Một ngày kia anh tiêu-phụ đang dẫn sến ở trong rừng. Nhọc quá, anh ta nằm nghỉ một lúc, bất giác nghĩ đến

đường kia nỗi nọ của mình liền than rằng: « Thật không có đời ai khổ như đời ta, kiếm được miếng ăn nghỉ mà vất-vả! »

Vừa than xong thì bất thình lình ở bên cạnh có một ông tiên, mặt mũi khôi-ngô, quần áo chững-chạc, hiện lên và bảo anh ta một cách rất dịu dàng rằng:

« Ta đã thấu những nhời kêu của nhà-người rồi, ta thương nhà-người lắm, nhà-người ước đi một điều rồi ta sẽ cho được như ý.

Thốt nhiên anh tiểu-phu đáp ngay rằng: Thưa ngài, tôi chỉ xin Ngài làm những vật gì tôi mơ đến đều thành ra vàng cả.

Ông tiên có ý không bằng lòng đáp lại rằng: Ôi chao ôi! Tôi muốn một điều ước cao thượng hơn điều ấy, thôi nhà-người đã muốn như thế thì ta cũng cho » Nói xong rồi biến mất.

Anh tiểu-phu muốn thử xem nhời ước của mình có thật không, liền nắm ngay lấy cành sến thấy hoa và quả đều thành ra vàng cả.

Anh ta reo ngáy lên rằng: « Sướng chữa! từ nay đỡ đi ta không phải làm việc gì cả, ta ăn bánh ngọt, thịt quay, các đồ đường, ta uống rượu vang ở Bordeaux. Chỉ có ngày hôm nay là ngày cuối cùng mà ta phải ăn bánh đen, uống nước lã!

Vừa nói vừa bẻ bánh ra, nhưng bánh đã thành ra vàng rồi. Cầm đến ấm nước uống thì ấm cũng thành ra vàng nốt!

Anh tiểu-phu nói rằng: « Bây giờ ta làm thế nào? Đời thừa nhà ai chỉ nuốt vàng mà mất đói mất khát được ư? Ôi chao ôi! chẳng lẽ ta đòi những vàng ở đời này lấy một miếng bánh đen, một cốc nước lã ư? »

Vừa nói xong thì anh tiểu-phu bừng mở mắt ra. Anh ta thấy anh ta nằm trên bãi đều và biết lúc này mình đã mơ. Anh ta reo lên rằng: « Sướng chữa! chẳng có gì là thật cả. Này bánh đây! này nước đây! Thôi ta cứ chịu khó mà làm lụng! » Rõ thật là:

Giấc-Nam-kha khéo bắt bình,

Bình con mắt dậy thấy mình tay không!

NGUYỄN-VĂN-HOAN

LE PAYS NATAL

Pourquoi le prononcer ce nom de la patrie ?
Dans son brillant exil, mon cœur en a frémi
Il résonne de loin dans mon âme attendrie
Comme les pas connus ou la voix d'un ami.

Montagnes que voilait le brouillard de l'automne,
Vallons que tapissait le givre du matin,
Saules dont l'émondeur effeuillait la couronne
Vieilles tours que le soir dorait dans le lointain

Murs noircis par les ans, coleaux, sentier rapide,
Fontaine où les pasteurs accroupis tour à tour
Attendaient goutte à goutte une eau rare et limpide
Et, leur urne à la main, s'entretenaient du jour :

Chaumière où du foyer étincelait la flamme,
Toit que le pèlerin aimait à voir fumer,
Objets inanimés, avez-vous donc une âme
Qui s'attache à notre âme et la force d'aimer

Lamartine

CỔ HƯƠNG

Còn nói làm chi đến cổ hương,
Khiến người lữ thủ đông lòng thương,
Mới nghe hồn những thêm lại lạng,
Trưởng tiếng chi-âm, gót đã tường.

Cổ sơn thu lộ phủ nền mờ,
Thung lũng băng còn đọng sớm mờ,
Dương liễu mấy lần người hái ngon,
Ác tà chiếu đỏ viên lâu xưa.

Trường đèn đen cũ, dốc cùng dèo,
Mây nước, mực đồng quy gối theo.
Đưa nọ, đưa kia đàm nhật sự,
Cầm bình đợi giọt nước chong veo.

Nhà ai lò lửa sáng thâu ngày,
Trên mái, lữ hành thích, khói bay.
Này cảnh vật kia, ta kể đó,
Có tình chẳng tả, quyến ta say.

HIẾU-VĂN-TU dịch thuật
N. T. K

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM